SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 11 NĂM 2020



HƯNG YÊN, THÁNG 12/2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC TỈNH HƯNG YÊN

THÁNG 11 NĂM 2020

Đơn vị thực hiện:

TRUNG TÂM QUAN TRẮC – THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HƯNG YÊN, THÁNG 12/2020

MỤC LỤC

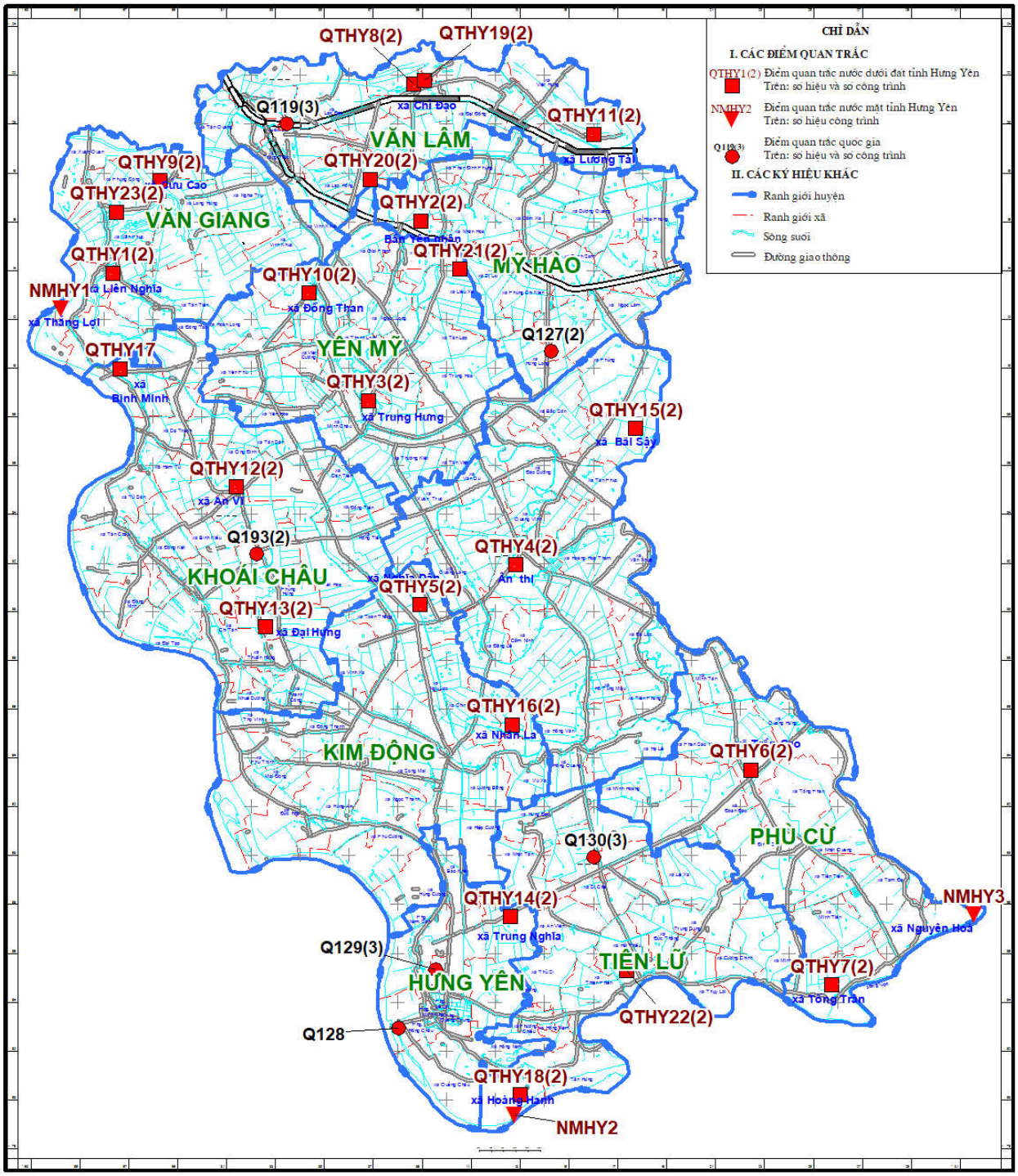
I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất 6
I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 6
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 7
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất 10
II.1. Thành phố Hưng Yên 10
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 10
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 12
II.2. Huyện Văn Lâm 13
II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 13
II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 15
II.3. Huyện Văn Giang 17
II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 17
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 19
II.4. Thị xã Mỹ Hào 20
II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 20
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 22
II.5. Huyện Yên Mỹ 23
II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 23
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 24
II.6. Huyện Ân Thi 26
II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 26
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 27
II.7. Huyện Khoái Châu 29
II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 29
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 30
II.8. Huyện Kim Động 32
II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 32
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 33
II.9. Huyện Phù Cừ 35
II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 35
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 36
II.10. Huyện Tiên Lữ 38
II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh) 38
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp) 39

LỜI NÓI ĐẦU

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước hàng tháng cung cấp thông tin, diễn biến số lượng nước tại các trạm quan trắc TNN nhằm phục vụ kịp thời hiệu quả cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên được công bố định kỳ hàng tháng dựa trên kết quả quan trắc tại 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất cùng. Ngoài ra trong bản tin có sử dụng các công trình quan trắc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước để đánh giá diễn biến tài nguyên nước dưới đất ở hai tầng chứa nước chính qh và qp.

Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước nằm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc sự quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên. Hiện tại có tổng số 26 điểm quan trắc. Trong đó 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, phân bố ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Ân Thi, Thị xã Mỹ Hào, Tiên Lữ và Thành phố Hưng Yên.



Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên

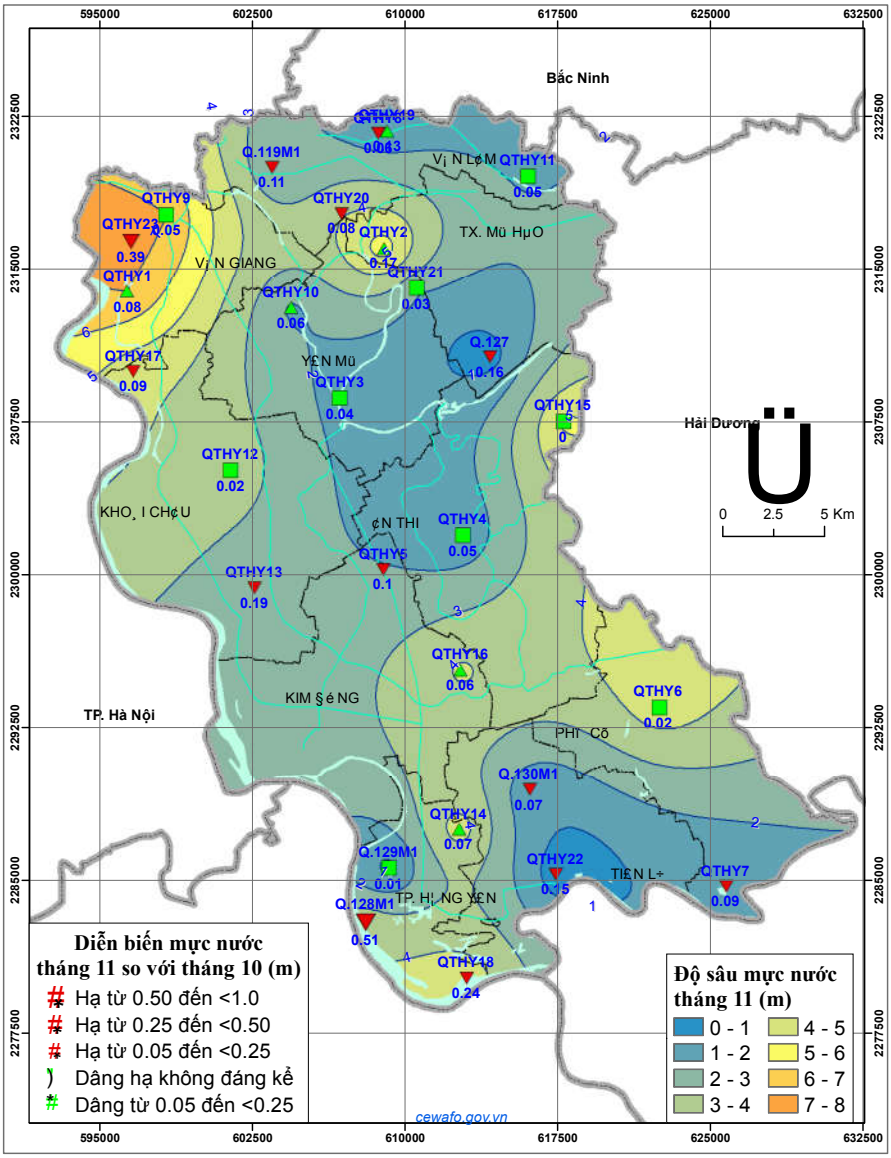
I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất

I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

I.1.1. Mực nước

Mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ và dâng hạ không đáng kể so với tháng 10, có 13/28 công trình mực nước hạ, 9/28 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 6/28 công trình mực nước dâng (hình 1). Giá trị hạ thấp nhất là 0,51m tại phường Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.128M1). Giá trị dâng cao nhất là 0,17m tại P. Bần Yên Nhân, TX. Mỹ Hào (QTHY2).

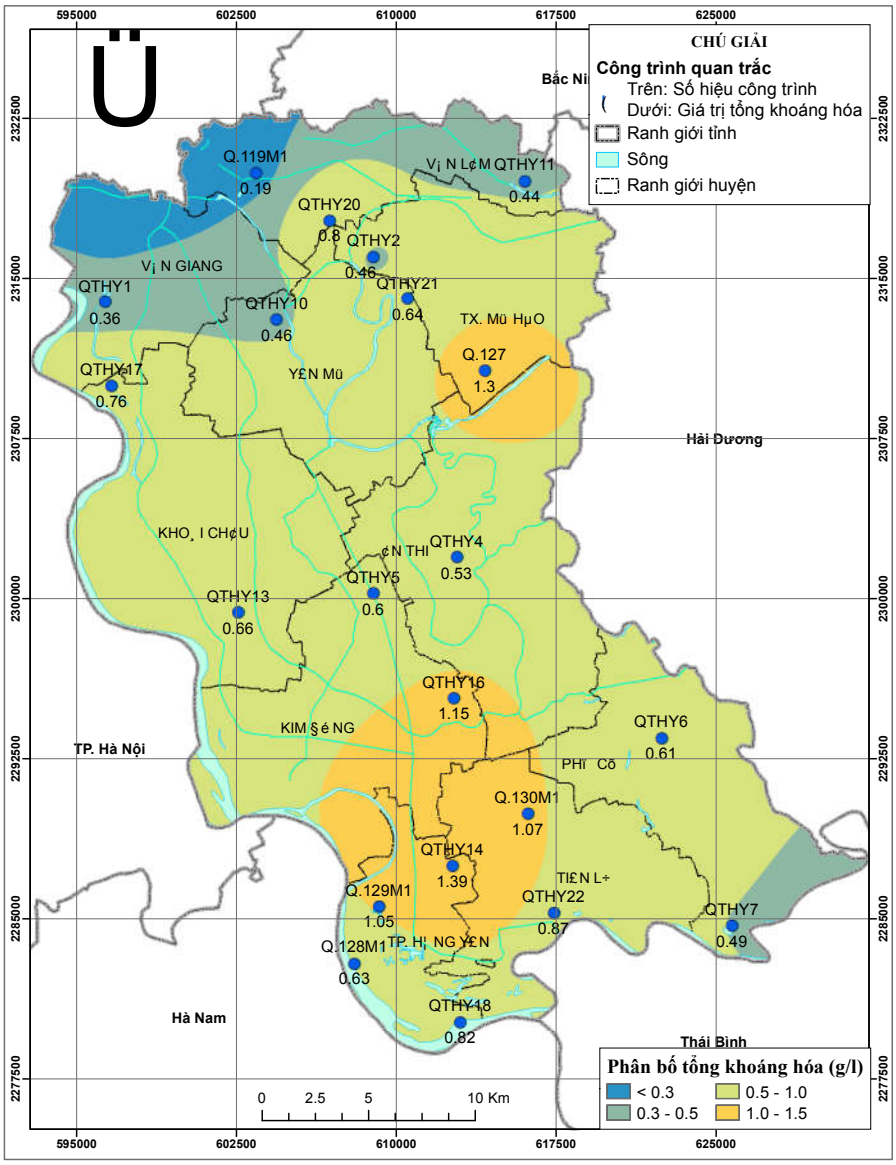
Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,37m tại TT. Văn Giang, huyện Văn Giang (QTHY23). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,45m tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ (QTHY22).



Hình 1.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh

I.1.2. Chất lượng nước

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2020, nước dưới đất tầng chứa nước qh nhìn chung nhạt, độ tổng khoáng hóa của các công trình trong tầng chứa nước qh thay đổi từ 0,19g/l (Q.119M1) đến 1,39g/l (QTHY14), trung bình 0,73g/l (hình 2).



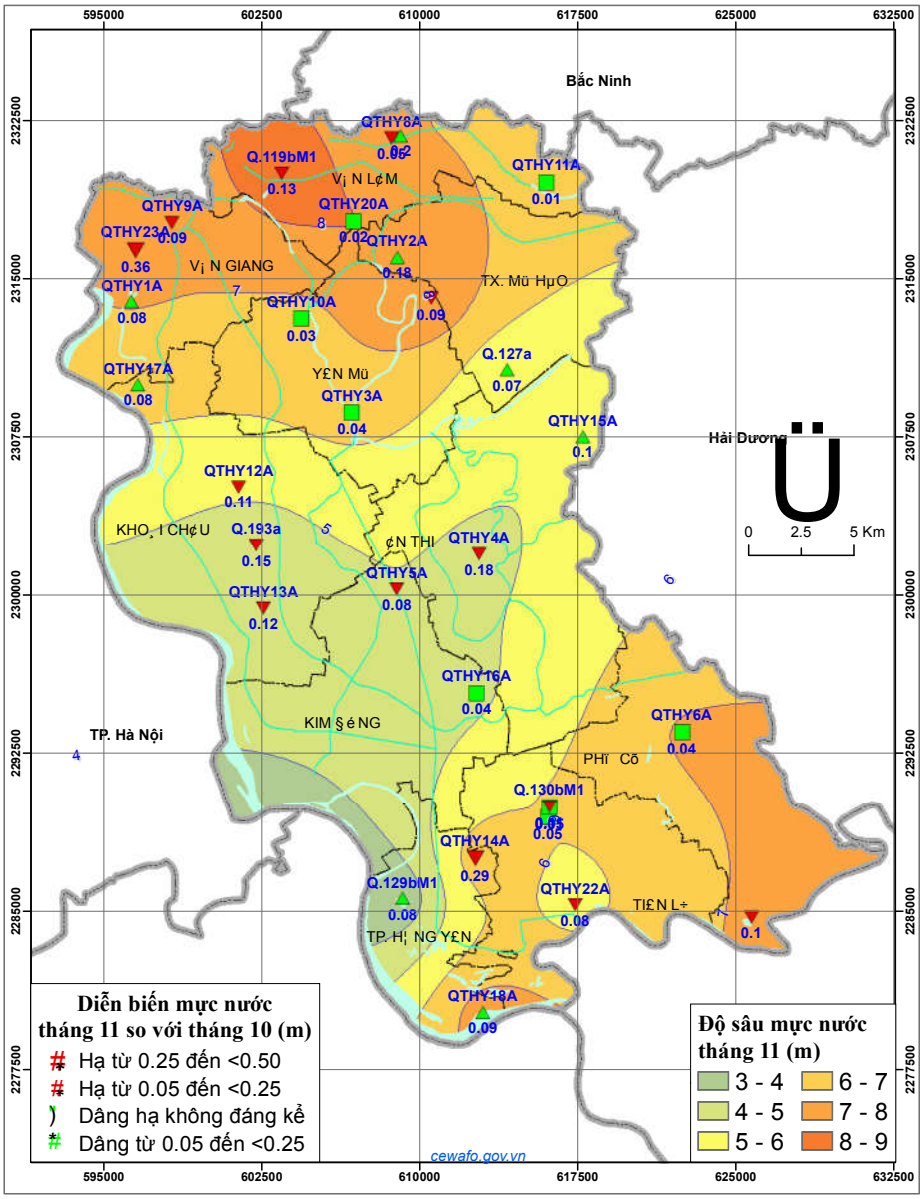
Hình 2.Sơ đồ phân bố tổng khoáng hóa mùa mưa năm 2020 TCN Holocene

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

I.2.1. Mực nước

Mực nước trung bình tháng 11 tầng chứa nước qp có xu thế hạ so với tháng 10, với có 15/30 công trình mực nước hạ, 8/30 công trình mực nước dâng và 7/30 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể (hình 3). Giá trị hạ thấp nhất là 0,36m tại TT. Văn Giang, huyện Văn Giang (QTHY23A). Giá trị dâng cao nhất là 0,20m tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm (QTHY19A).

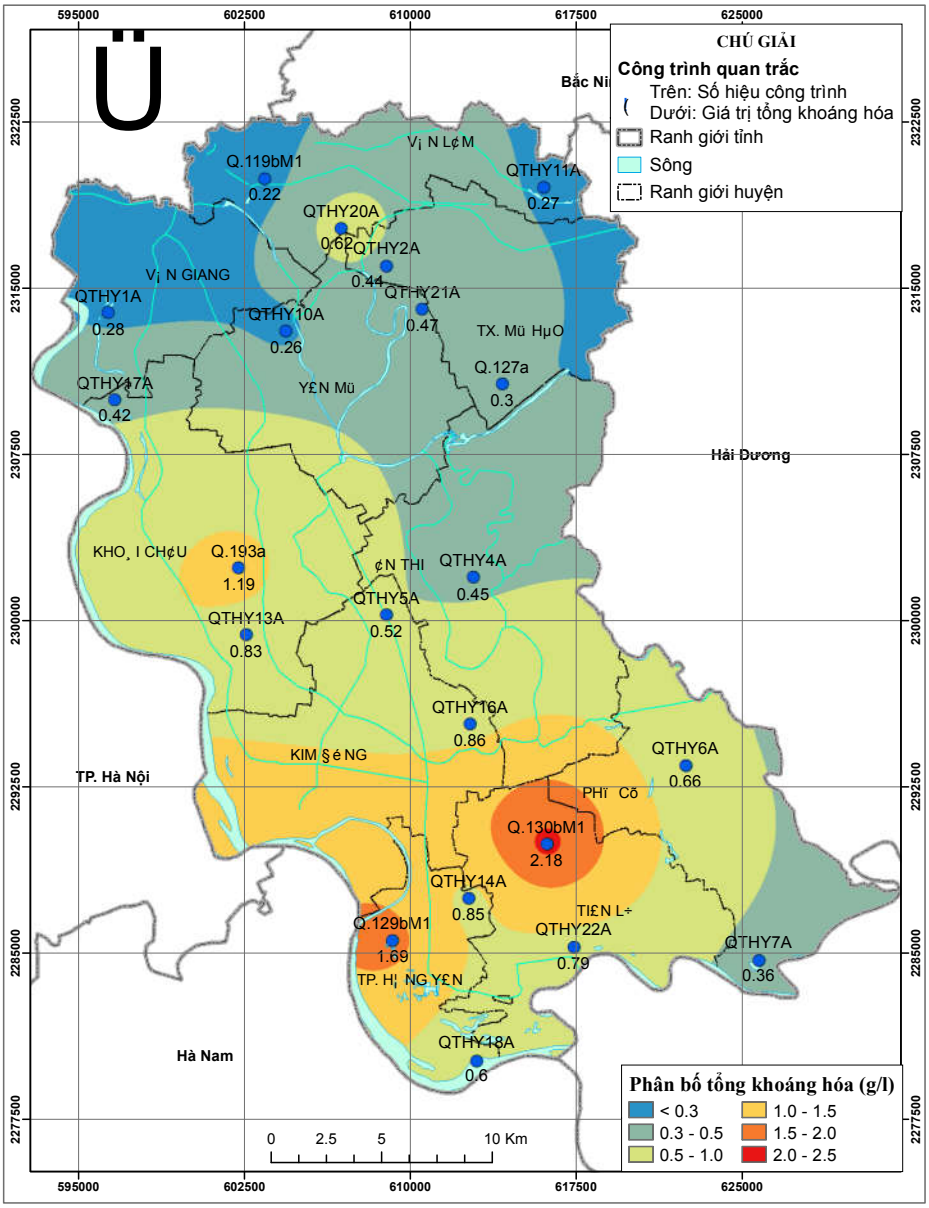
Trong tháng 11: Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,63m TT Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,13m tại phường Lam Sơn, TP Hưng Yên (Q.129bM1).



Hình 3.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp

I.2.2. Chất lượng nước

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2020, nước dưới đất tầng chứa nước qp nhìn chung nhạt, trừ khu vực thành phố Hưng Yên (Q.129bM1, Q.130aM1, Q.130bM1) nước lợ, độ tổng khoáng hóa của các công trình trong tầng chứa nước qp thay đổi từ 0,22g/l (Q.119bM1) đến 2,18g/l (Q.130bM1), trung bình 0,68g/l (hình 4).



Hình 4.Sơ đồ phân bố tổng khoáng hóa mùa mưa năm 2020 TCN Pleistocene

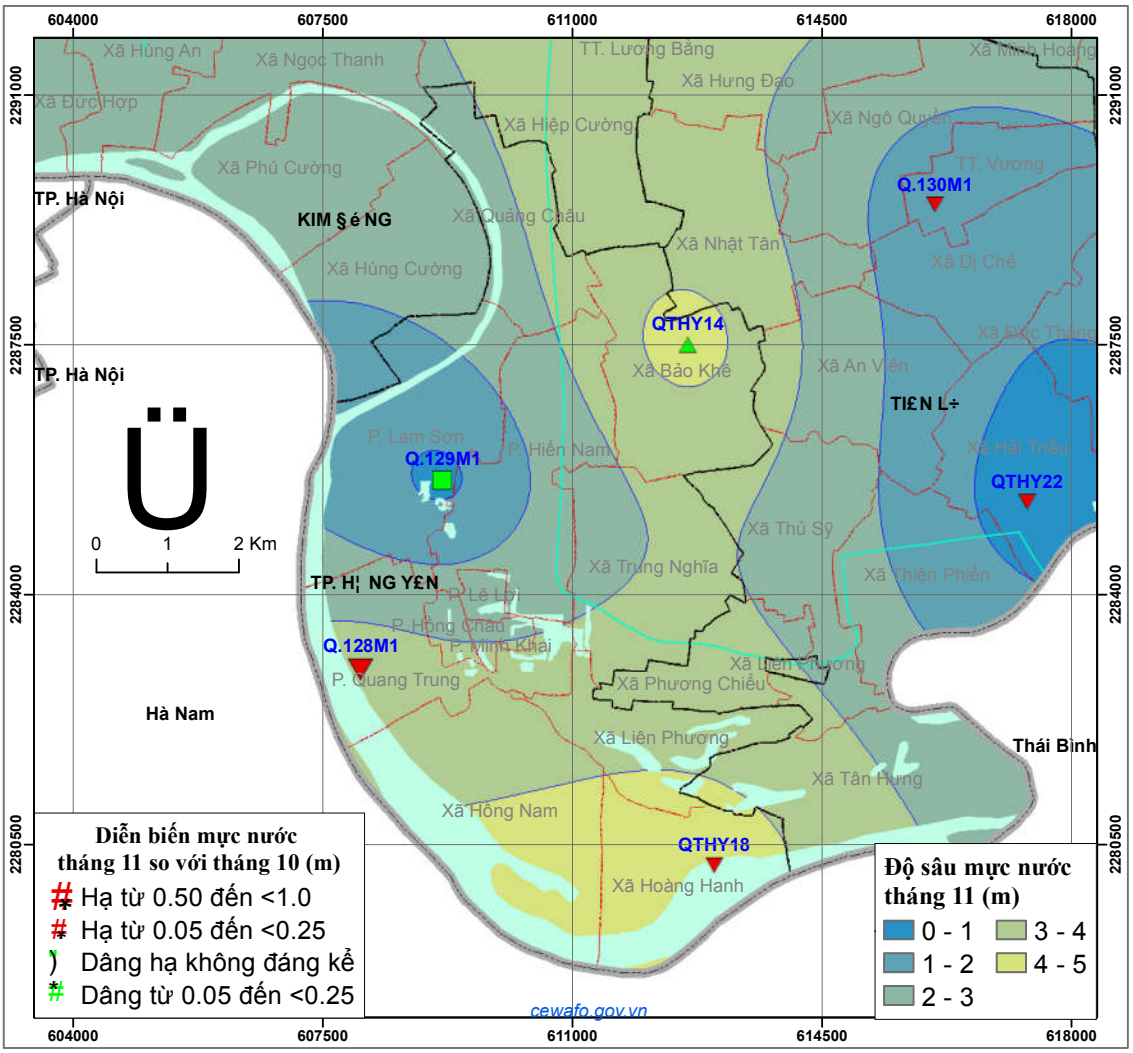
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất

II.1. Thành phố Hưng Yên

II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

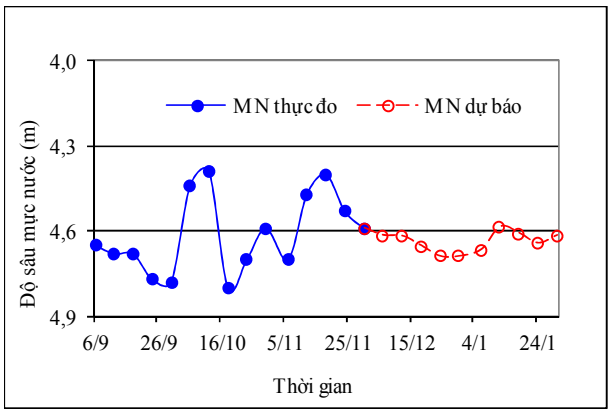
Trong phạm vi Thành phố, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,51m tại phường Minh Khai (Q.128M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,68m tại phường Lam Sơn (Q.129M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,60m tại xã Trung Nghĩa (QTHY14).

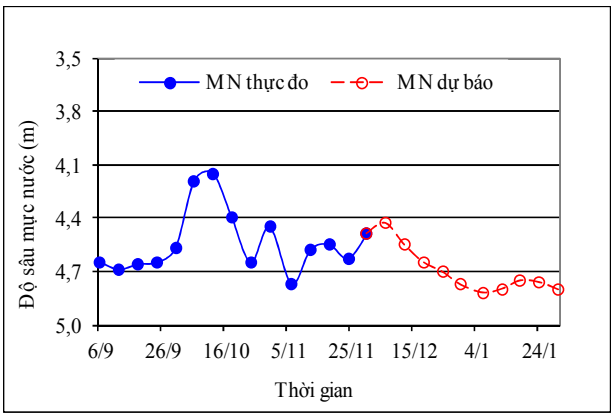


Hình 5.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh

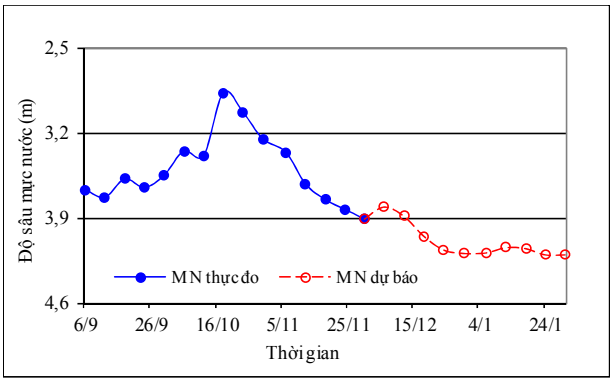
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 6 và bảng 1).



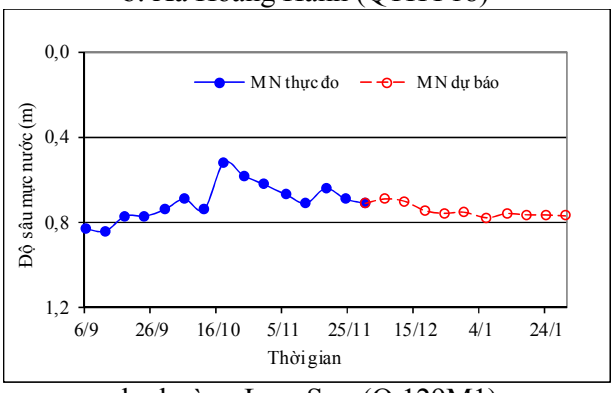
a. xã Trung Nghĩa (QTHY14)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18)



c. phường Minh Khai (Q.128M1)



d. phường Lam Sơn (Q.129M1)

Hình 6.Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 1. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

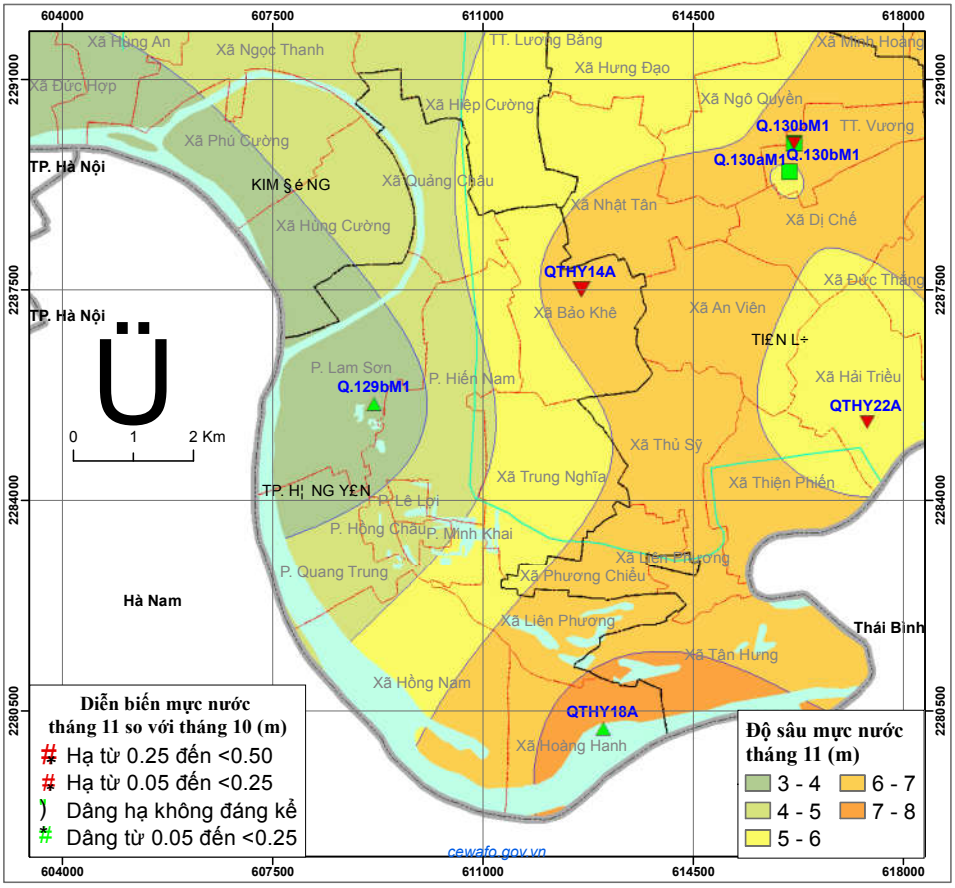
Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14)			Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	4,70	4,62	4,67	4,77	4,43	4,82
12	4,47	4,62	4,59	4,58	4,55	4,80
18	4,40	4,65	4,61	4,55	4,65	4,75
24	4,53	4,69	4,64	4,63	4,70	4,76
30	4,59	4,69	4,62	4,49	4,78	4,80
TB	4,54	4,65	4,62	4,60	4,62	4,79
Ngày	phường Minh Khai (Q.128M1)			phường Lam Sơn (Q.129M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	3,36	3,81	4,18	0,67	0,69	0,78
12	3,62	3,89	4,14	0,71	0,70	0,76
18	3,75	4,05	4,15	0,64	0,74	0,76
24	3,83	4,16	4,20	0,69	0,76	0,76
30	3,91	4,19	4,20	0,71	0,75	0,77
TB	3,69	4,02	4,17	0,68	0,73	0,77

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

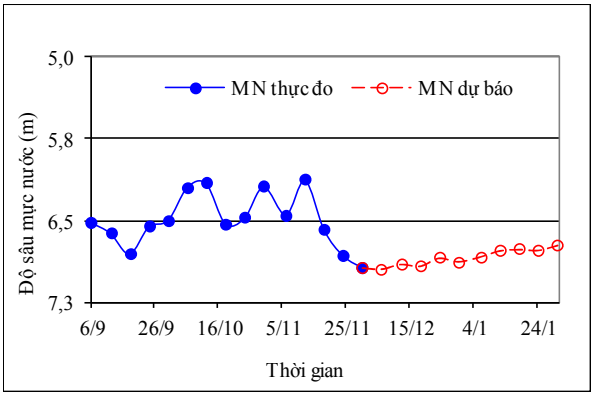
Trong phạm vi Thành phố, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,09m tại Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18A). Giá trị hạ thấp nhất là 0,29m tại xã Trung Nghĩa (QTHY14A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,13m tại phường Lam Sơn (Q.129bM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,57m tại xã Hoàng Hanh (QTHY18A).

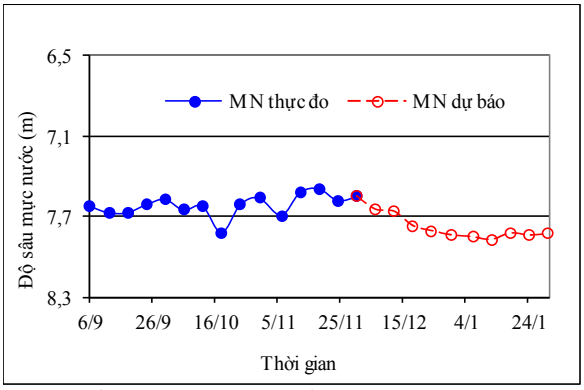
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 8 và bảng 2).



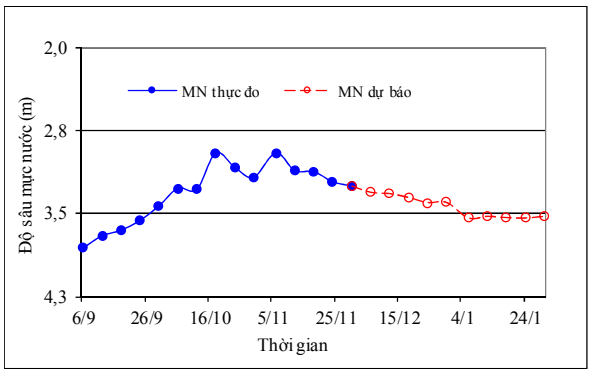
Hình 7.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. xã Trung Nghĩa (QTHY14A)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18A)



c. phường Lam Sơn (Q.129bM1)

Hình 8.Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 2.Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14A)			Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18A)			phường Lam Sơn (Q.129bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	6,45	6,95	6,83	7,69	7,65	7,85	2,95	3,31	3,54
12	6,13	6,91	6,78	7,52	7,66	7,87	3,11	3,32	3,52
18	6,59	6,92	6,76	7,49	7,77	7,82	3,12	3,35	3,54
24	6,83	6,85	6,77	7,58	7,81	7,84	3,21	3,40	3,54
30	6,94	6,88	6,72	7,55	7,84	7,83	3,25	3,40	3,52
TB	6,59	6,90	6,77	7,57	7,74	7,84	3,13	3,35	3,53

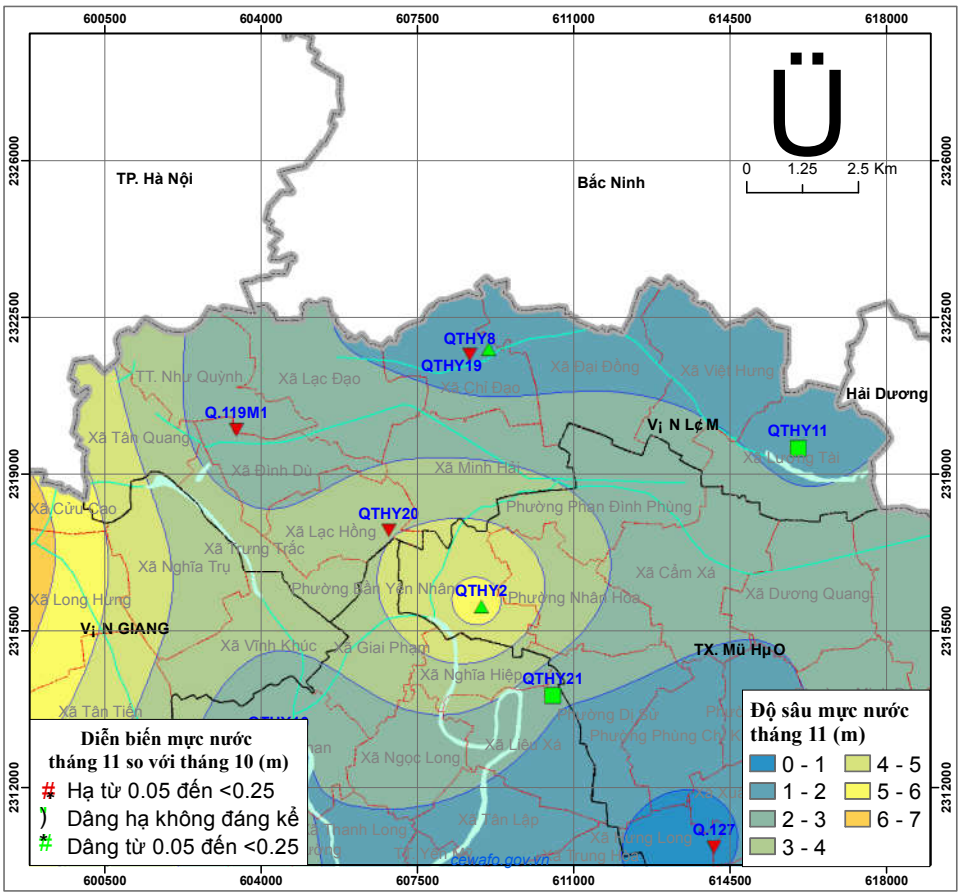
II.2. Huyện Văn Lâm

II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

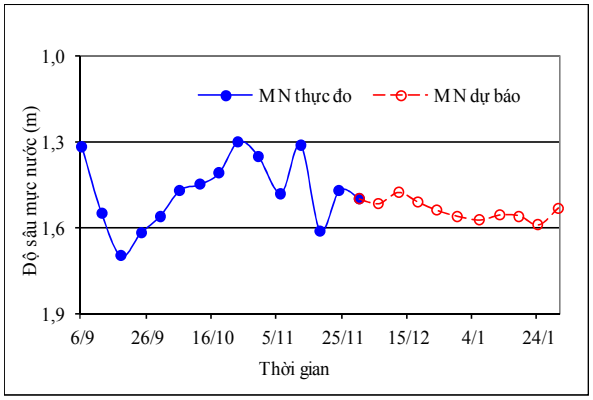
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,11m tại TT Như Quỳnh (Q.119M1). Giá trị dâng cao nhất là 0,13m tại xã Chỉ Đạo (QTHY19).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,36m tại xã Chỉ Đạo (QTHY8), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 3,93m tại xã Lạc Hồng (QTHY20).

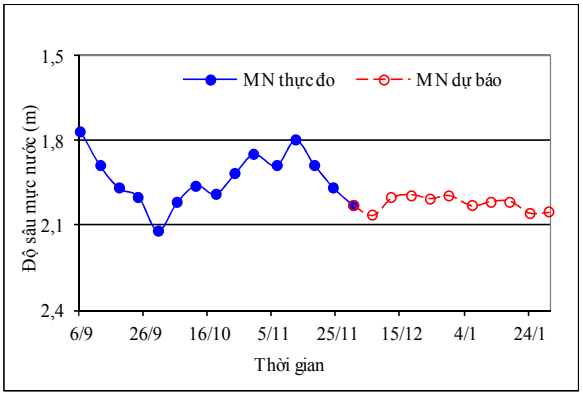
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 10 và bảng 3).



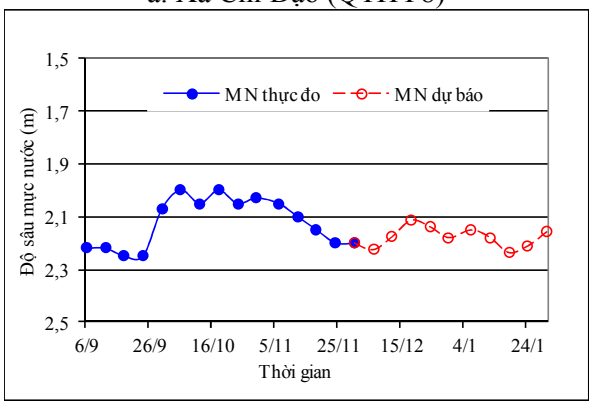
Hình 9.Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



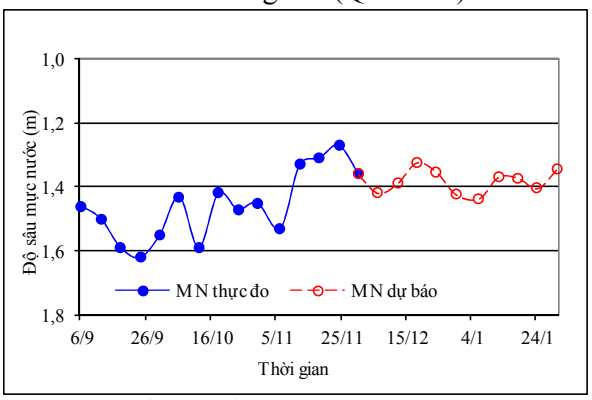
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8)



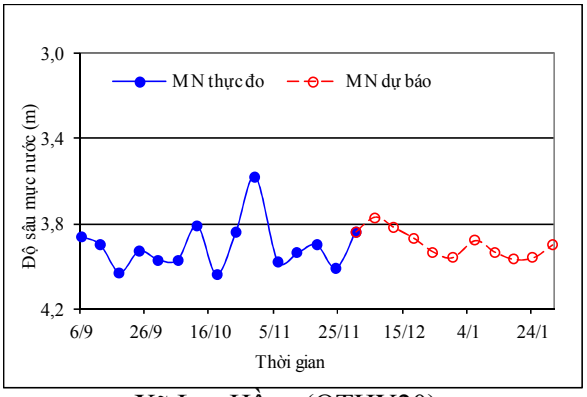
b. Xã Lương Tài (QTHY11)



c. TT Như Quỳnh (Q.119M1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 3. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

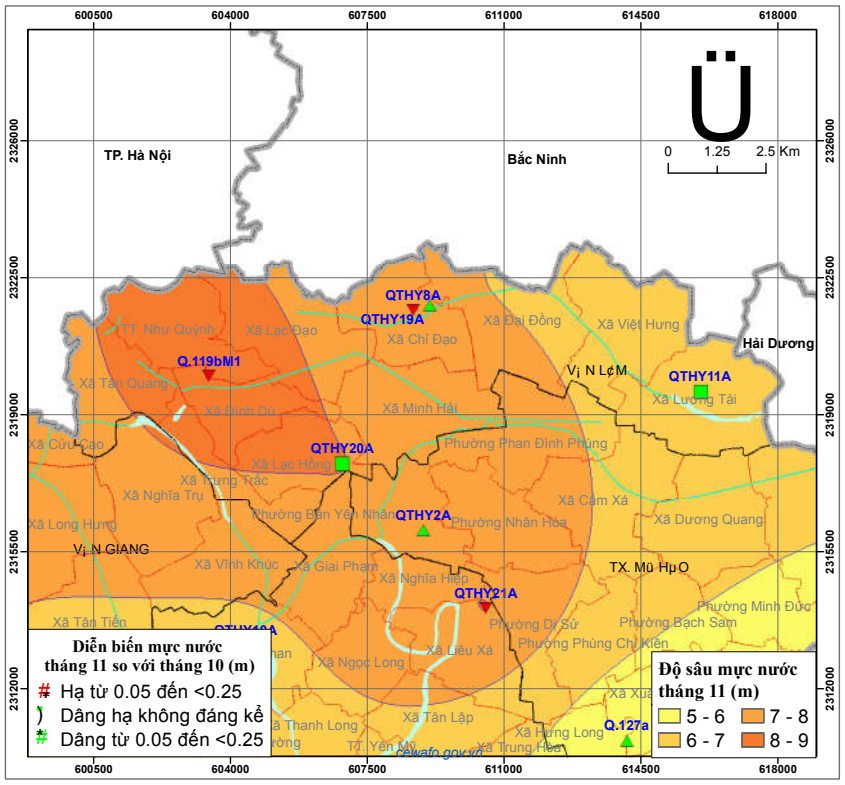
Ngày	Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8)			Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11)			TT Như Quỳnh (Q.119M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	1,48	1,52	1,57	1,89	2,07	2,03	2,05	2,22	2,15
12	1,31	1,48	1,56	1,80	2,00	2,02	2,10	2,18	2,18
18	1,61	1,51	1,56	1,89	1,99	2,02	2,15	2,12	2,23
24	1,47	1,54	1,59	1,97	2,01	2,06	2,20	2,14	2,21
30	1,50	1,56	1,53	2,03	2,00	2,05	2,20	2,18	2,16
TB	1,47	1,52	1,56	1,92	2,01	2,04	2,14	2,17	2,19

Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19)			Xã Lạc Hồng (QTHY20)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	1,53	1,42	1,44	3,98	3,77	3,88
12	1,33	1,39	1,37	3,94	3,82	3,93
18	1,31	1,32	1,37	3,90	3,87	3,97
24	1,27	1,35	1,40	4,01	3,93	3,96
30	1,36	1,42	1,34	3,84	3,96	3,90
TB	1,36	1,38	1,39	3,93	3,87	3,93

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

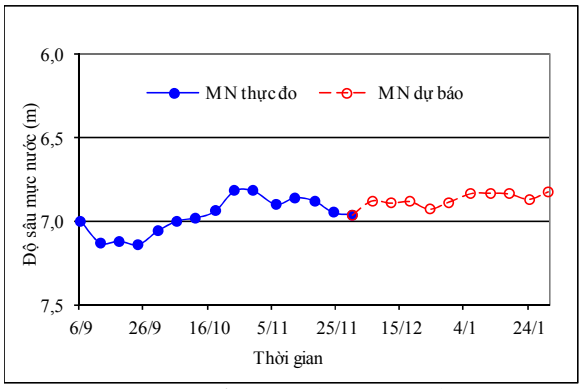
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ và dâng hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,13m tại TT Như Quỳnh (Q.119bM1). Giá trị dâng cao nhất là 0,20m tại xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm (QTHY8A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,51m tại xã Lương Tài (QTHY11A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,63m tại TT. Như Quỳnh (Q.119bM1).

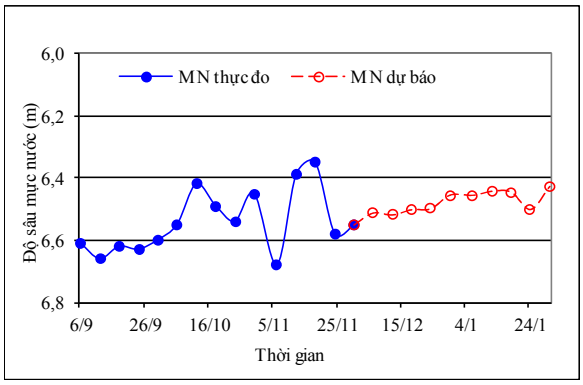


Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp

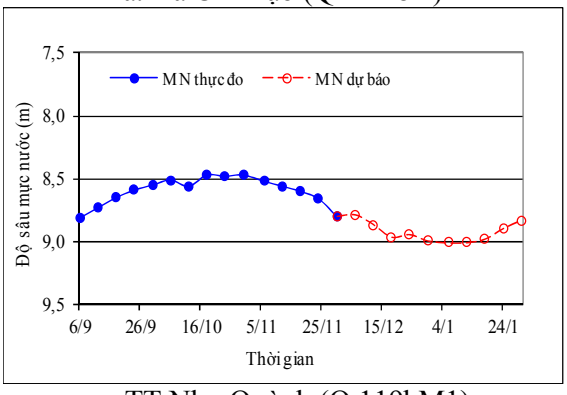
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 4).



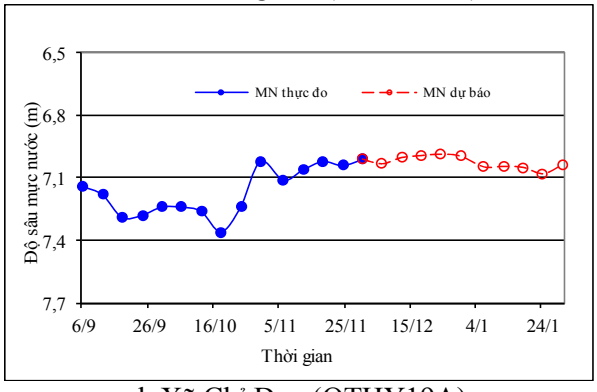
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8A)



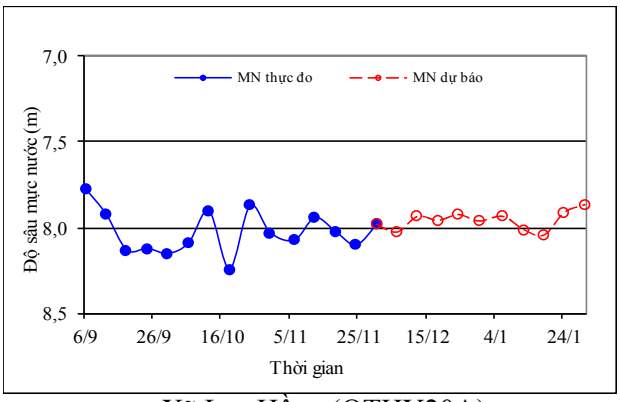
b. Xã Lương Tài (QTHY11A)



c. TT Như Quỳnh (Q.119bM1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19A)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20A)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 4. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8A)			Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11A)			TT Như Quỳnh (Q.119bM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	6,90	6,88	6,84	6,68	6,51	6,46	8,52	8,79	9,00
12	6,86	6,89	6,83	6,39	6,52	6,44	8,56	8,86	9,00
18	6,88	6,88	6,84	6,35	6,50	6,45	8,60	8,96	8,97
24	6,95	6,93	6,87	6,58	6,50	6,50	8,66	8,94	8,89
30	6,96	6,89	6,83	6,55	6,46	6,43	8,80	8,99	8,83
TB	6,91	6,89	6,84	6,51	6,50	6,46	8,63	8,91	8,94

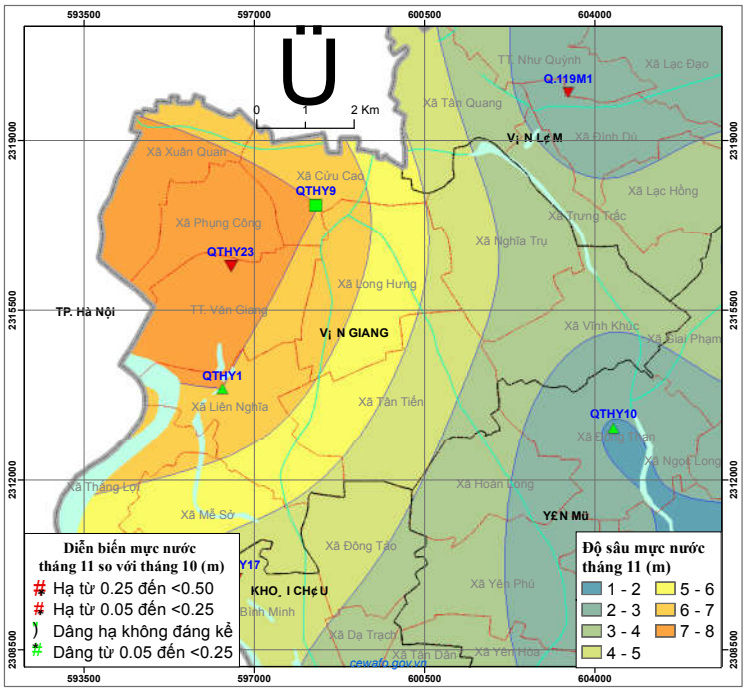
Ngày	xã Chỉ Đạo (QTHY19A)			Xã Lạc Hồng (QTHY20A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	7,11	7,03	7,05	8,07	8,02	7,93
12	7,06	7,00	7,05	7,94	7,93	8,01
18	7,02	6,99	7,05	8,02	7,96	8,04
24	7,04	6,99	7,08	8,10	7,92	7,91
30	7,01	7,00	7,04	7,98	7,96	7,87
TB	7,05	7,00	7,05	8,02	7,96	7,95

II.3. Huyện Văn Giang

II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

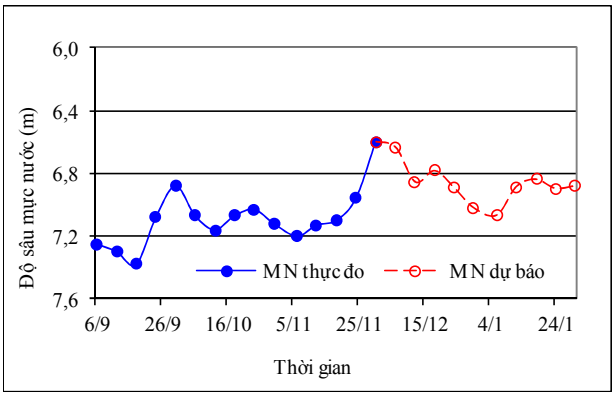
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 không có xu thế rõ ràng so với tháng 10. Giá trị hạ thấp là 0,39m tại TT. Văn Giang (QTHY23). Giá trị dâng cao là 0,08m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 7,00m tại xã Cửu Cao (QTHY9), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,37m tại TT. Văn Giang (QTHY23).

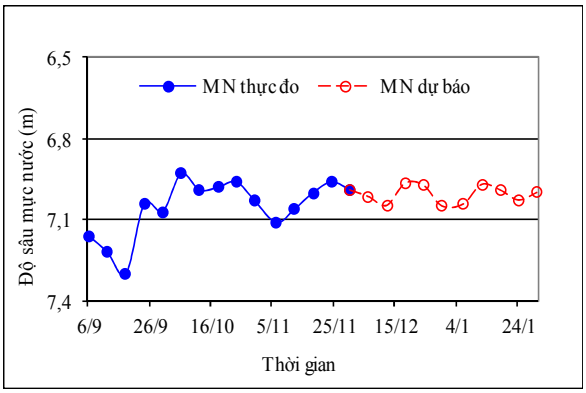


Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh

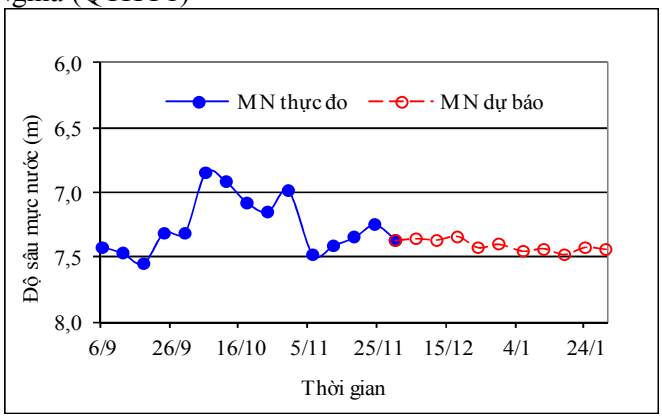
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 14 và bảng 5).



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9)



c. TT. Văn Giang (QTHY23)

Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

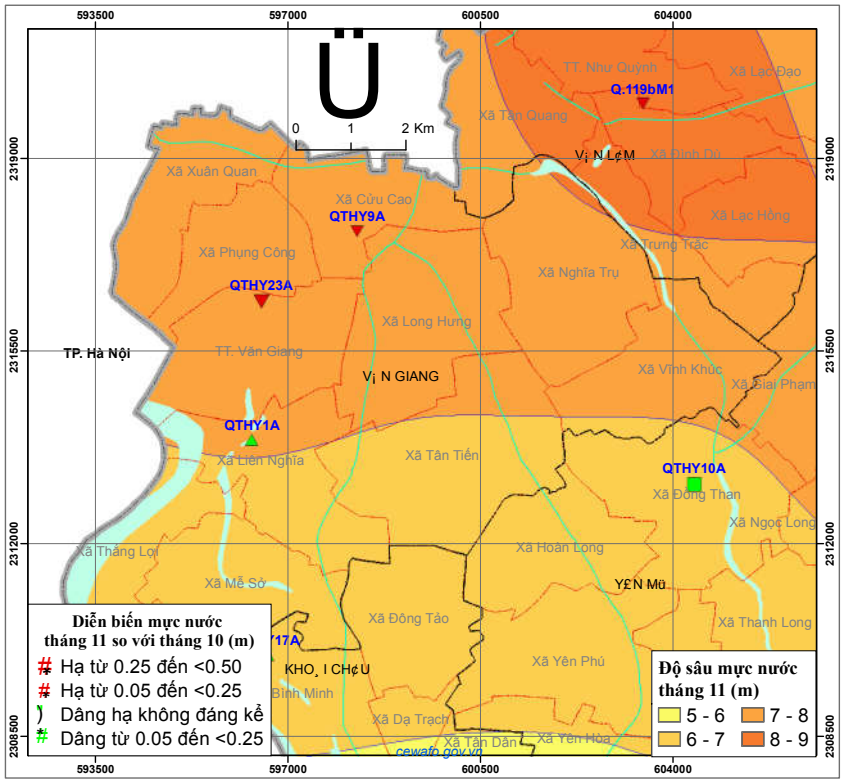
Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1)			Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9)			TT. Văn Giang (QTHY23)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	7,20	6,64	7,07	7,11	7,01	7,04	7,48	7,36	7,46
12	7,13	6,86	6,89	7,06	7,05	6,97	7,41	7,37	7,44
18	7,10	6,78	6,84	7,00	6,97	6,99	7,35	7,34	7,48
24	6,96	6,89	6,90	6,96	6,97	7,03	7,25	7,43	7,43
30	6,60	7,02	6,88	6,99	7,05	7,00	7,37	7,40	7,44
TB	7,00	6,84	6,91	7,02	7,01	7,01	7,37	7,38	7,45

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

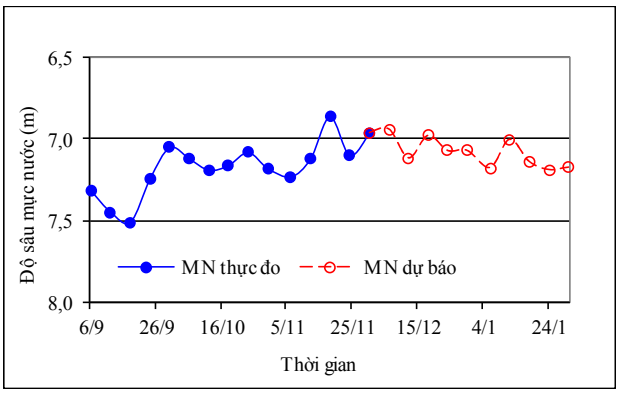
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,36m tại TT. Văn Giang (QTHY23A). Giá trị dâng cao là 0,08m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 7,05m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,44m tại TT. Văn Giang (QTHY23A).

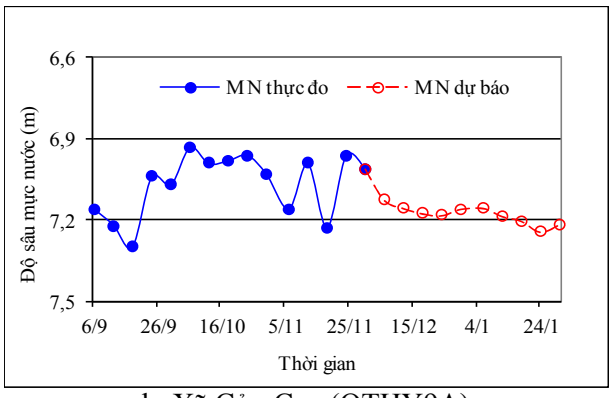
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 16 và bảng 6).



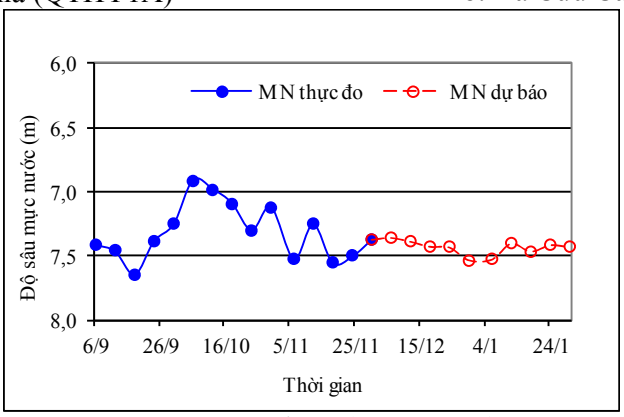
Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1A)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9A)



c. TT. Văn Giang (QTHY23A)

Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1A)			Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9A)			TT. Văn Giang (QTHY23A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	7,23	6,94	7,18	7,16	7,13	7,16	7,52	7,36	7,53
12	7,12	7,12	7,00	6,99	7,16	7,19	7,25	7,39	7,40
18	6,86	6,98	7,14	7,23	7,18	7,20	7,55	7,42	7,46
24	7,10	7,07	7,19	6,96	7,18	7,24	7,50	7,43	7,41
30	6,96	7,07	7,17	7,01	7,16	7,22	7,37	7,53	7,43
TB	7,05	7,03	7,14	7,07	7,16	7,20	7,44	7,43	7,45

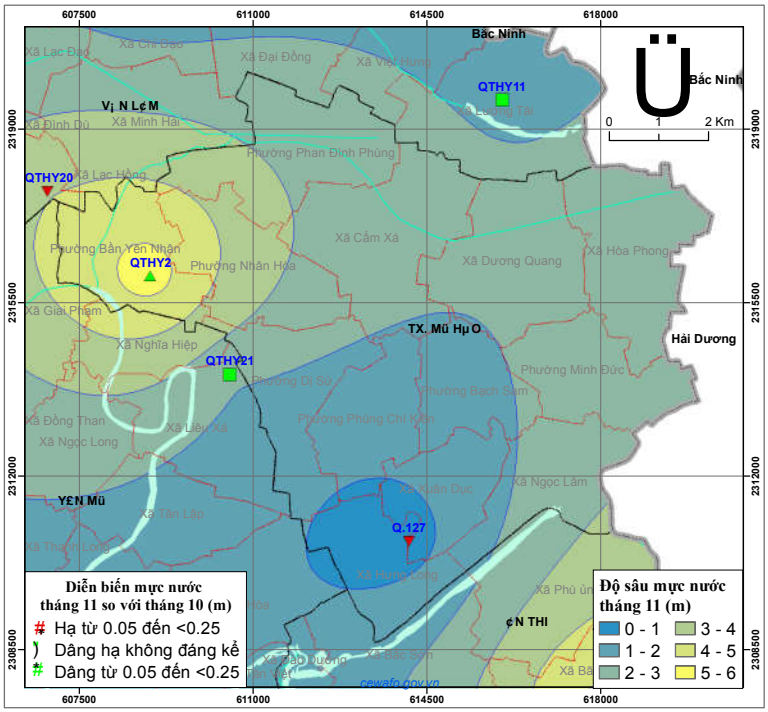
II.4. Thị xã Mỹ Hào

II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

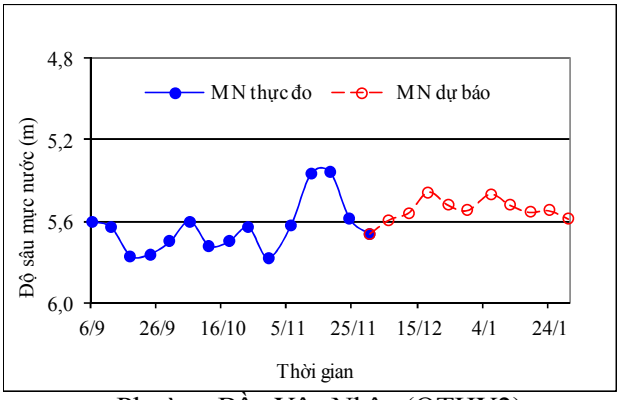
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 11 không có xu thế rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao là 0,17m tại P. Bần Yên Nhân (QTHY2). Giá trị hạ thấp là 0,16m tại xã Hưng Long (Q.127).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,57m tại xã Hưng Long (Q.127), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,52m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2).

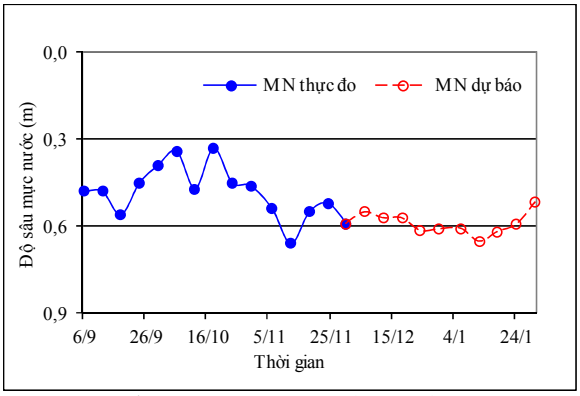
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 18 và bảng 7).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2)



b. xã Hưng Long (Q.127)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

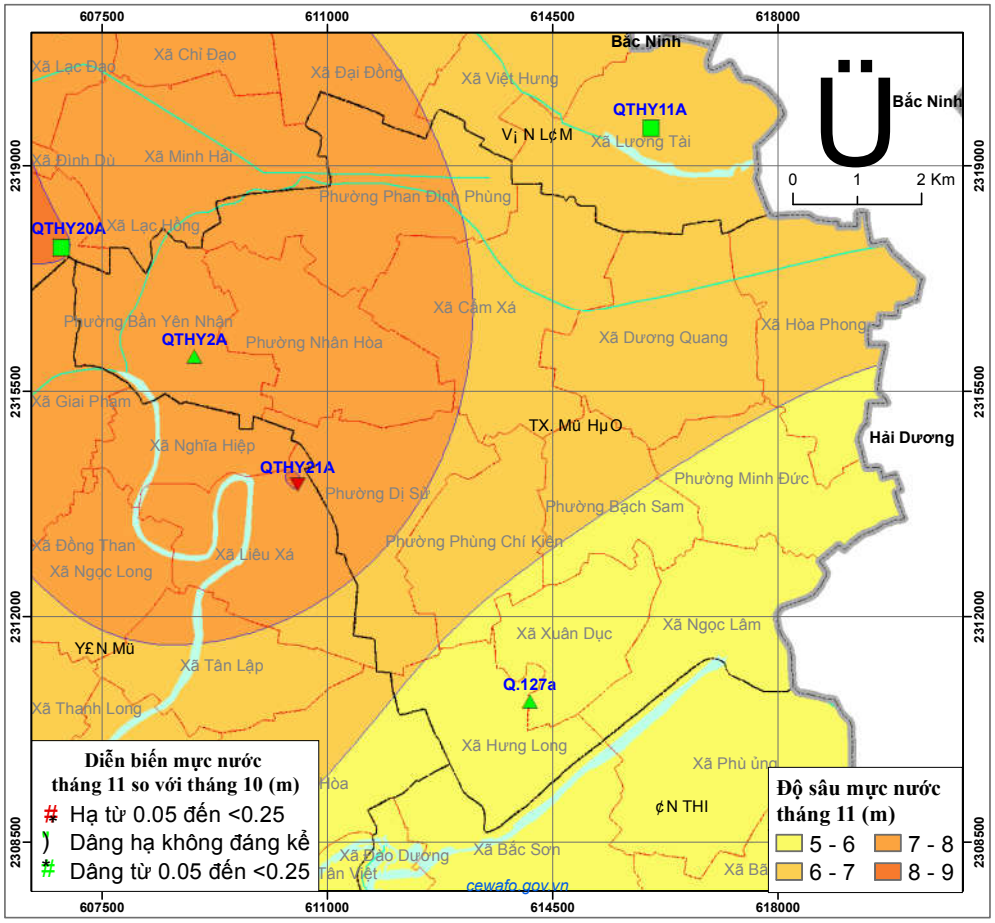
Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2)			xã Hưng Long (Q.127)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	5,62	5,59	5,47	0,54	0,55	0,61
12	5,37	5,56	5,52	0,66	0,57	0,65
18	5,36	5,46	5,55	0,55	0,57	0,62
24	5,59	5,52	5,55	0,52	0,61	0,59
30	5,66	5,55	5,59	0,59	0,61	0,52
TB	5,52	5,53	5,54	0,57	0,58	0,60

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

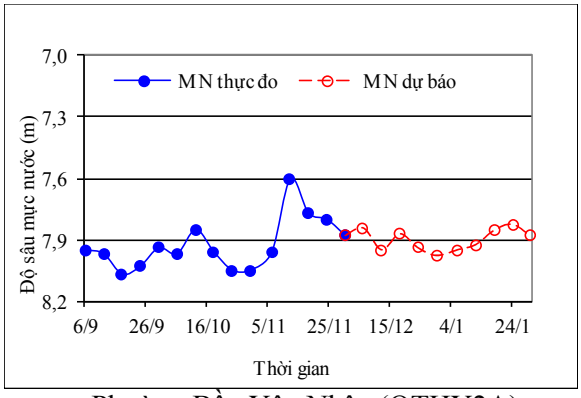
Trong phạm vi Thị xã, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,18m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,02m tại xã Hưng Long (Q.127a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,80m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2A).

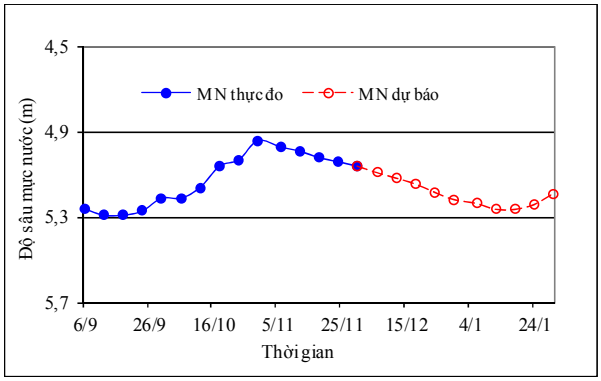
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 20 và bảng 8).



Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. Phường Bần Yên Nhân (QTHY2A)



b. xã Hưng Long (Q.127a)

Hình 20. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	P. Bần Yên Nhân (QTHY2A)			xã Hưng Long (Q.127a)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	7,96	7,84	7,95	4,97	5,09	5,23
12	7,60	7,95	7,92	4,99	5,12	5,26
18	7,77	7,87	7,86	5,02	5,14	5,26
24	7,80	7,94	7,83	5,04	5,18	5,24
30	7,88	7,98	7,88	5,06	5,22	5,19
TB	7,80	7,92	7,89	5,02	5,15	5,24

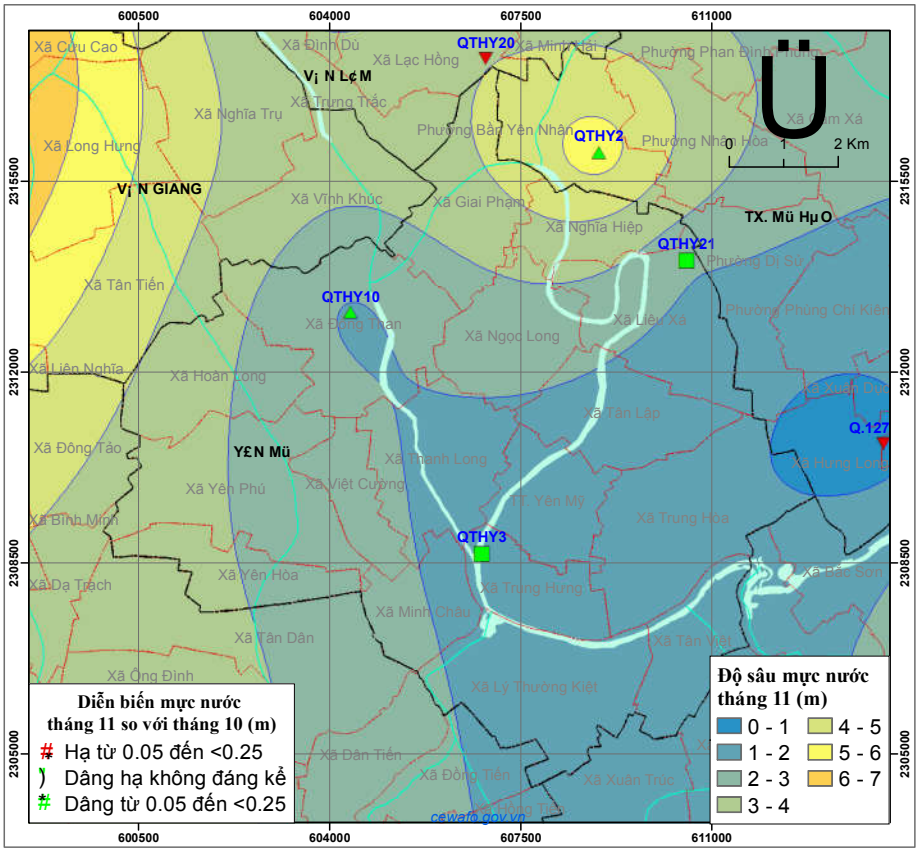
II.5. Huyện Yên Mỹ

II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

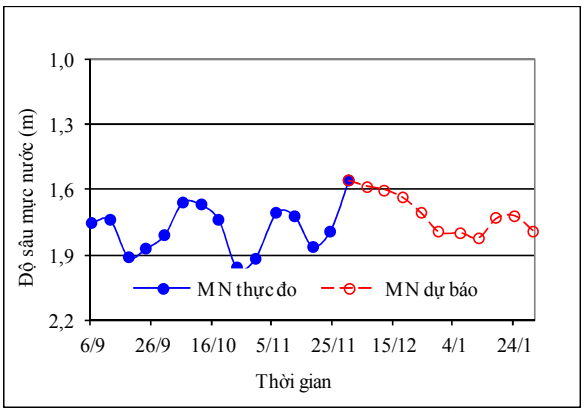
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị dâng cao là 0,06m tại UBND xã Đồng Than (QTHY10).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,73m tại xã Trung Hưng (QTHY3), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 2,16m tại xã Liêu Xá (QTHY21)

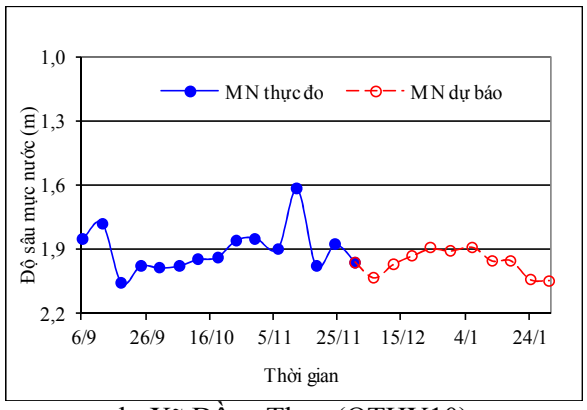
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 22 và bảng 9).



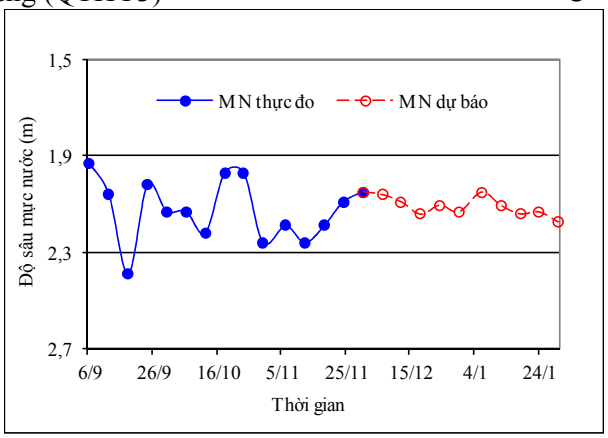
Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. Xã Trung Hưng (QTHY3)



b. Xã Đồng Than (QTHY10)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21)

Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

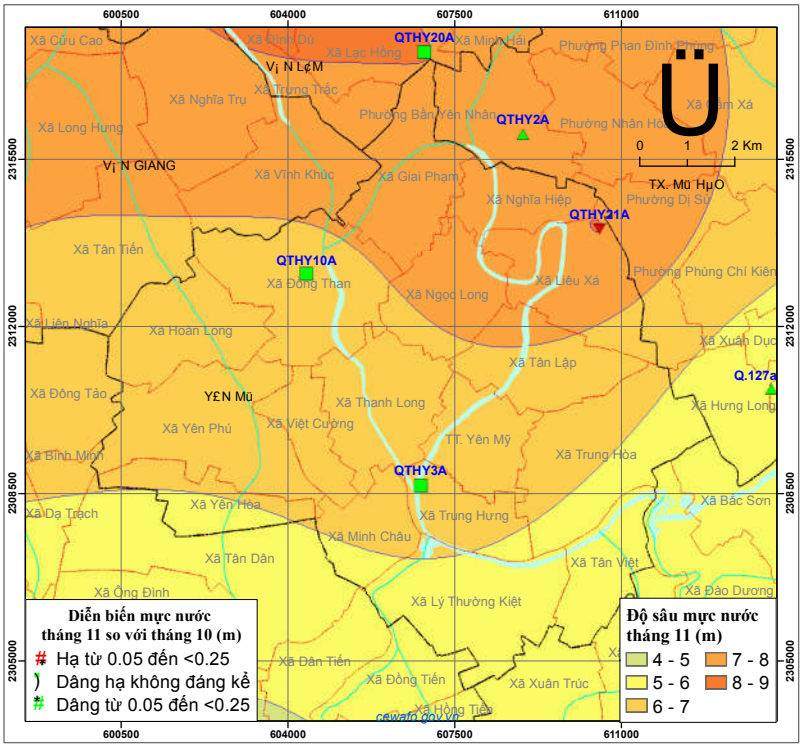
Ngày	UBND xã Trung Hưng (QTHY3)			UBND xã Đồng Than (QTHY10)			Xã Liêu Xá (QTHY21)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	1,71	1,59	1,80	1,90	2,04	1,89	2,19	2,06	2,05
12	1,72	1,60	1,82	1,62	1,97	1,95	2,26	2,09	2,10
18	1,86	1,64	1,73	1,98	1,93	1,95	2,19	2,14	2,14
24	1,79	1,71	1,72	1,88	1,90	2,04	2,09	2,10	2,13
30	1,56	1,80	1,79	1,96	1,91	2,05	2,05	2,13	2,17
TB	1,73	1,67	1,77	1,87	1,95	1,98	2,16	2,11	2,12

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

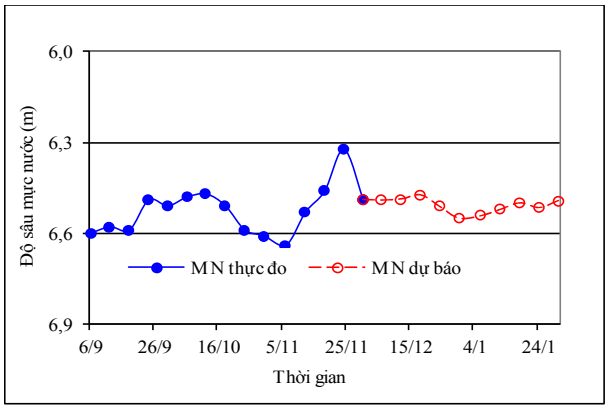
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị hạ thấp là 0,09m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 6,52m tại xã Trung Hưng (QTHY3A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,95m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).

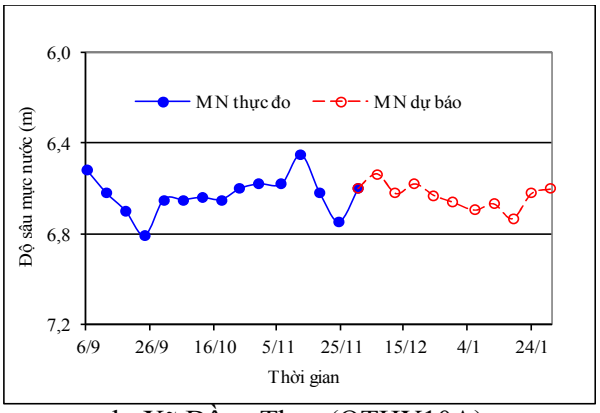
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 24 và bảng 10).



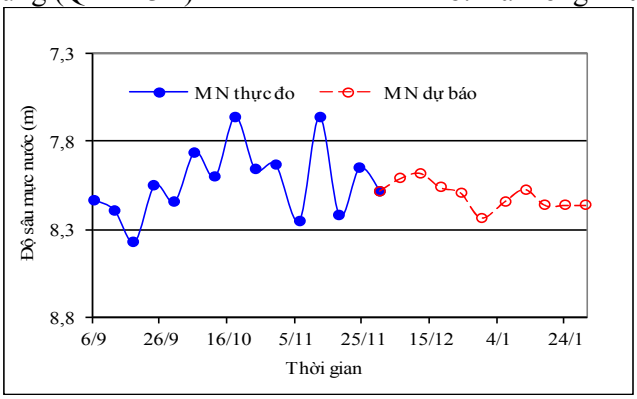
Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. Xã Trung Hưng (QTHY3A)



b. Xã Đồng Than (QTHY10A)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21A)

Hình 24. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND xã Trung Hưng (QTHY3A)			UBND xã Đồng Than (QTHY10A)			Xã Liêu Xá (QTHY21A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	6,64	6,49	6,54	6,58	6,54	6,69	8,25	8,01	8,14
12	6,53	6,49	6,52	6,45	6,62	6,67	7,66	7,98	8,07
18	6,46	6,48	6,50	6,62	6,58	6,73	8,22	8,06	8,16
24	6,32	6,51	6,52	6,75	6,63	6,62	7,95	8,09	8,16
30	6,49	6,55	6,49	6,60	6,66	6,60	8,08	8,23	8,16
TB	6,49	6,50	6,51	6,60	6,61	6,66	8,03	8,08	8,14

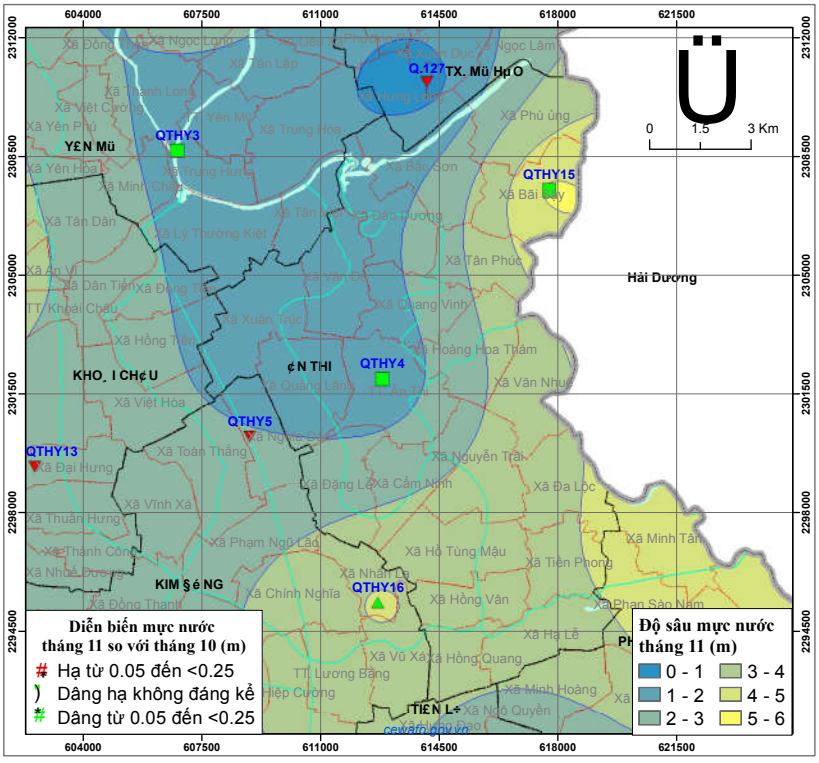
II.6. Huyện Ân Thi

II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

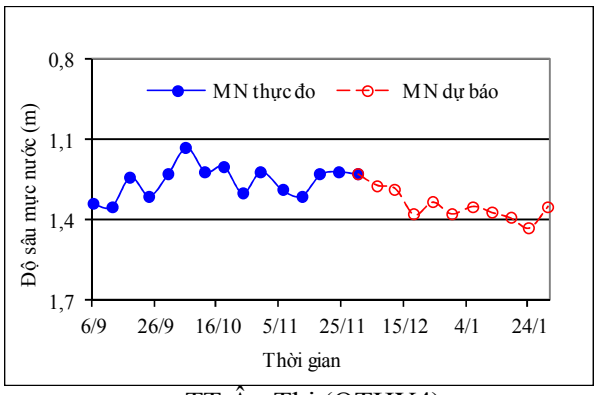
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không đáng kể so với tháng 10.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,26m tại TT Ân Thi (QTHY4), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,17m tại xã Bãi Sậy (QTHY15).

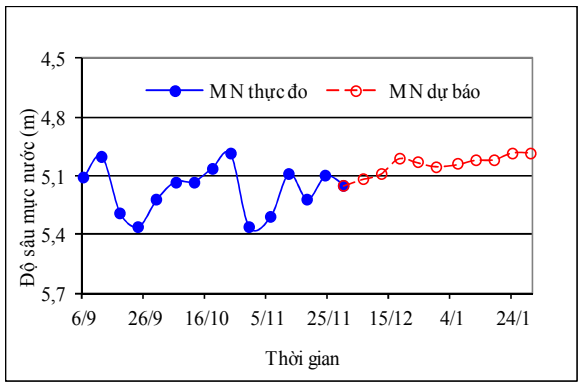
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 26 và bảng 11).



Hình 25. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. TT Ân Thi (QTHY4)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15)

Hình 26. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

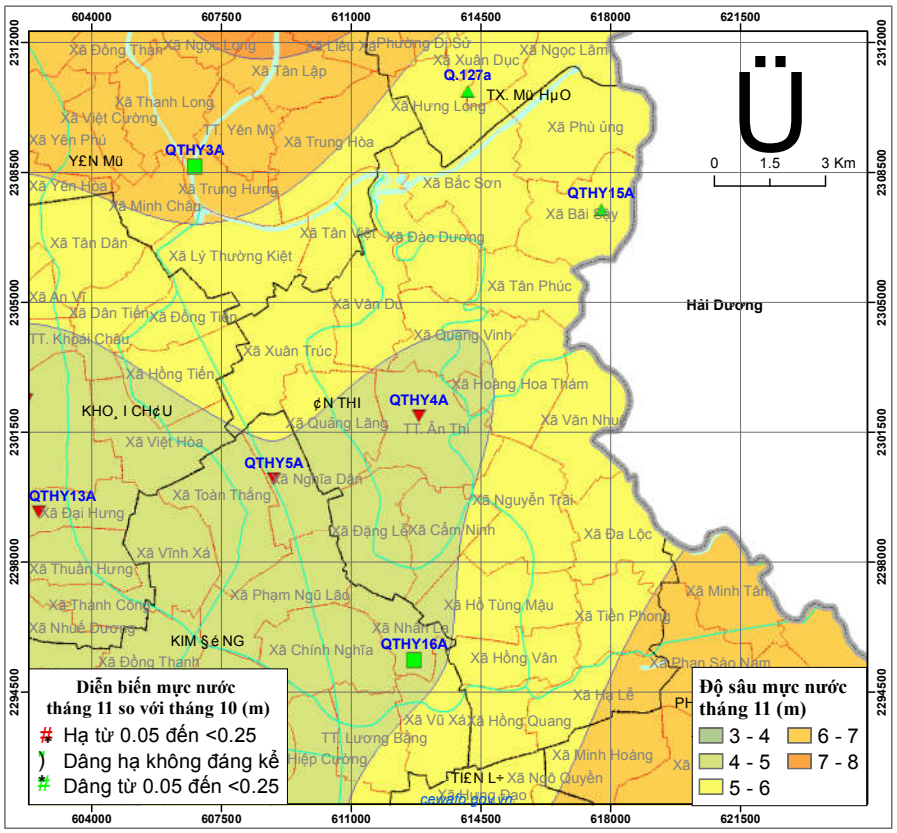
Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4)			UBND xã Bãi Sậy (QTHY15)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	1,29	1,27	1,35	5,31	5,12	5,04
12	1,31	1,28	1,37	5,09	5,09	5,02
18	1,23	1,38	1,39	5,22	5,01	5,02
24	1,22	1,33	1,43	5,10	5,03	4,98
30	1,23	1,38	1,35	5,15	5,05	4,98
TB	1,26	1,33	1,38	5,17	5,06	5,01

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

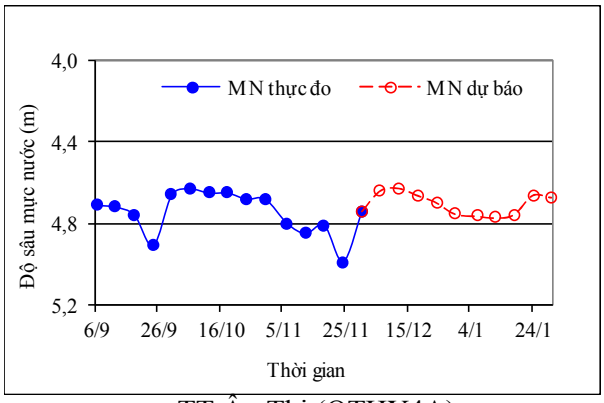
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 không có xu thế rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng là 0,11m tại xã Bãi Sậy (QTHY15A). Giá trị hạ là 0,18m tại TT Ân Thi (QTHY4A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,84m tại TT Ân Thi (QTHY4A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,09m tại xã Bãi Sậy (QTHY15A).

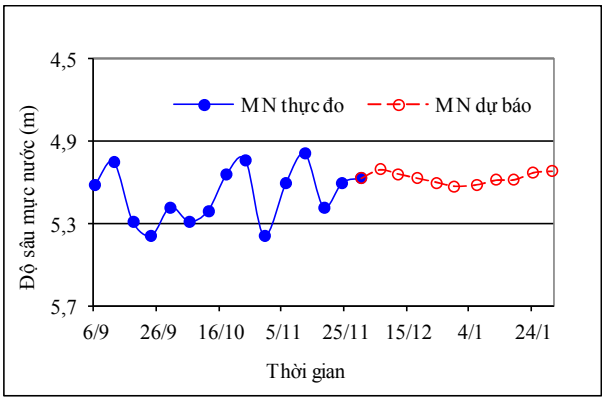
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 28 và bảng 12).



Hình 27. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. TT Ân Thi (QTHY4A)



b. xã Bãi Sậy (QTHY15A)

Hình 28. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4A)			UBND xã Bãi Sậy (QTHY15A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	4,80	4,64	4,76	5,10	5,04	5,11
12	4,85	4,63	4,77	4,96	5,06	5,09
18	4,81	4,67	4,76	5,22	5,08	5,09
24	4,99	4,70	4,67	5,10	5,10	5,05
30	4,74	4,75	4,68	5,08	5,12	5,04
TB	4,84	4,68	4,73	5,09	5,08	5,08

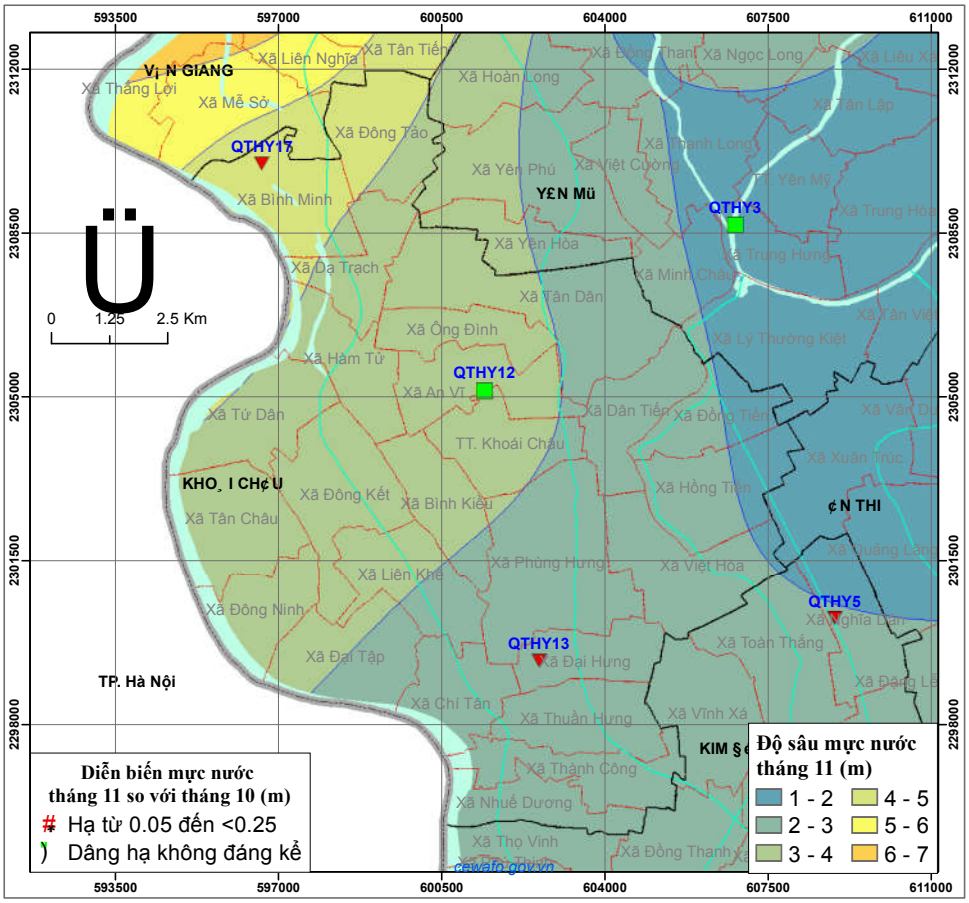
II.7. Huyện Khoái Châu

II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

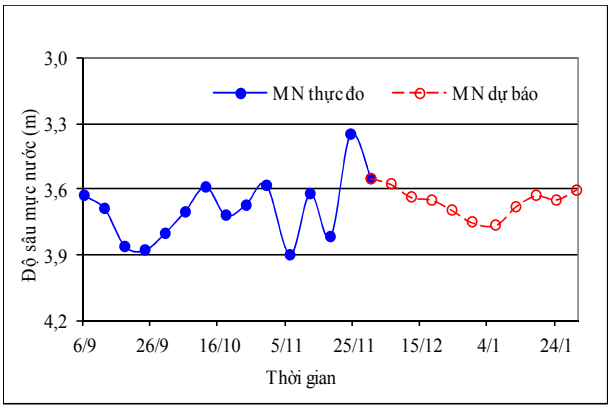
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,19m tại xã Đại Hưng (QTHY13).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,34m tại xã Đại Hưng (QTHY13), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,17m tại xã Bình Minh (QTHY17).

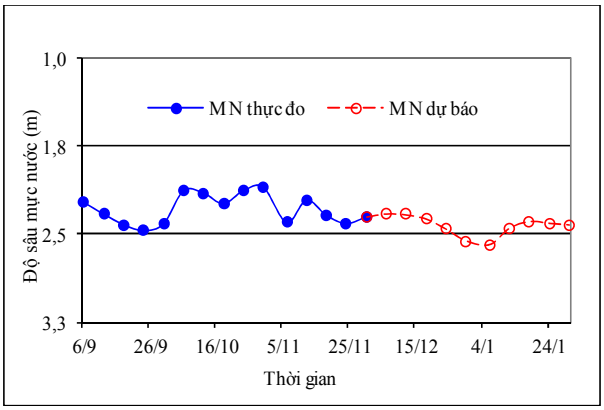
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 30 và bảng 13).



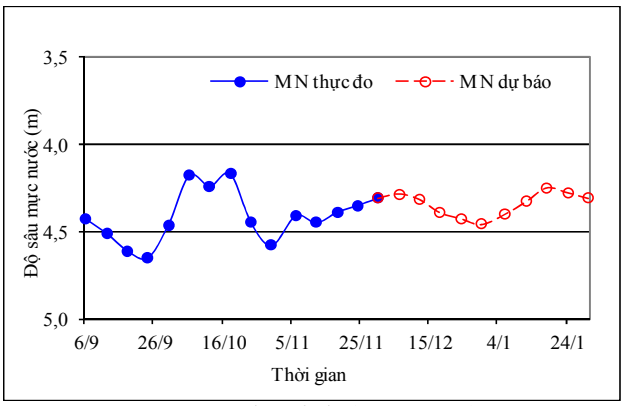
Hình 29. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. xã An Vĩ (QTHY12)



b. xã Đại Hưng (QTHY13)



c. xã Bình Minh (QTHY17)

Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

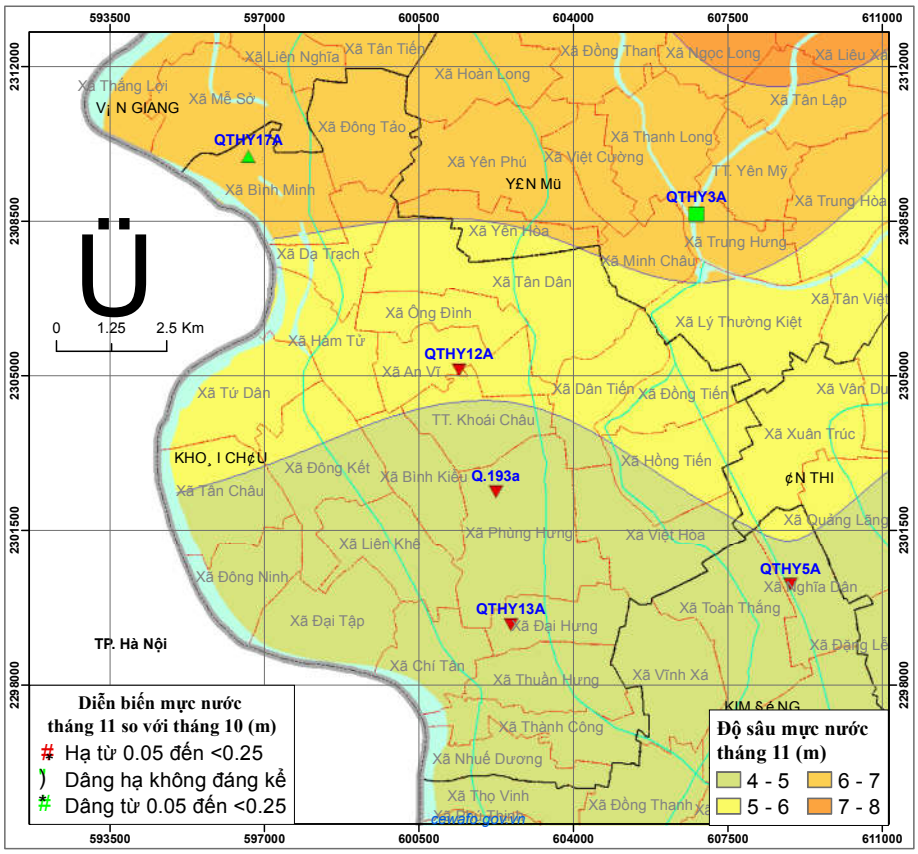
Ngày	UBND xã An Vĩ (QTHY12)			UBND xã Đại Hưng (QTHY13)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	3,90	3,58	3,76	2,40	2,32	2,59	4,41	4,28	4,40
12	3,62	3,64	3,68	2,21	2,33	2,45	4,45	4,32	4,33
18	3,82	3,65	3,63	2,34	2,37	2,39	4,39	4,39	4,25
24	3,35	3,69	3,65	2,41	2,46	2,40	4,35	4,42	4,28
30	3,55	3,75	3,60	2,35	2,56	2,42	4,31	4,46	4,31
TB	3,65	3,66	3,66	2,34	2,41	2,45	4,38	4,37	4,31

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

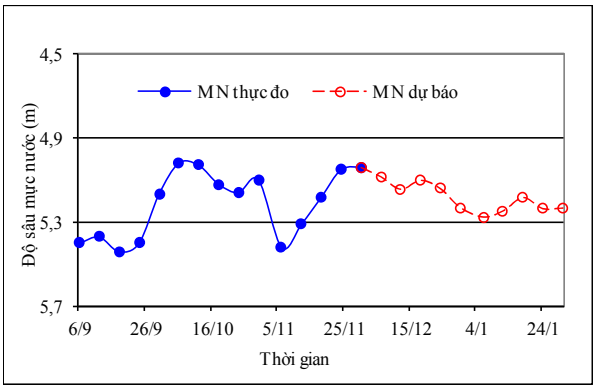
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,12m tại UBND xã Đại Hưng (QTHY13A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,72m tại xã Đại Hưng (QTHY13A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,42m tại xã Bình Minh (QTHY17A).

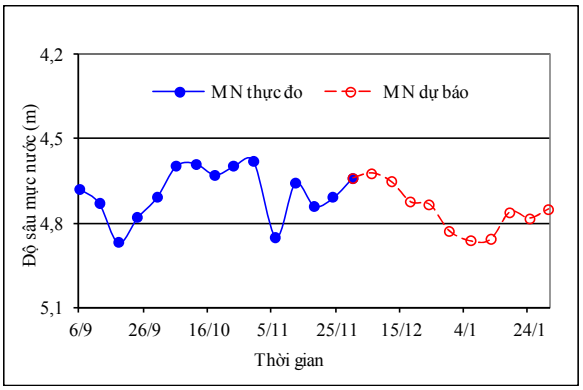
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 32 và bảng 14).



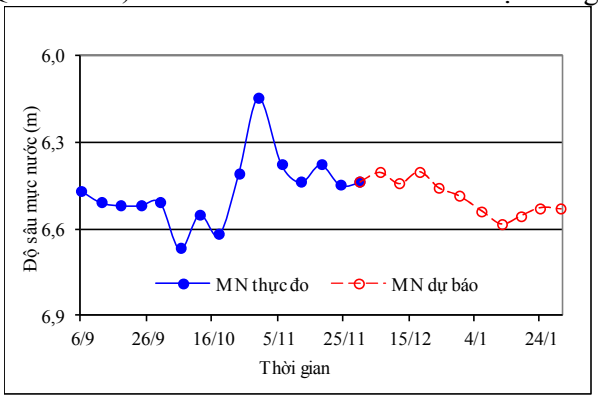
Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. xã An Vĩ (QTHY12A)



b. xã Đại Hưng (QTHY13A)



c. xã Bình Minh (QTHY17A)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

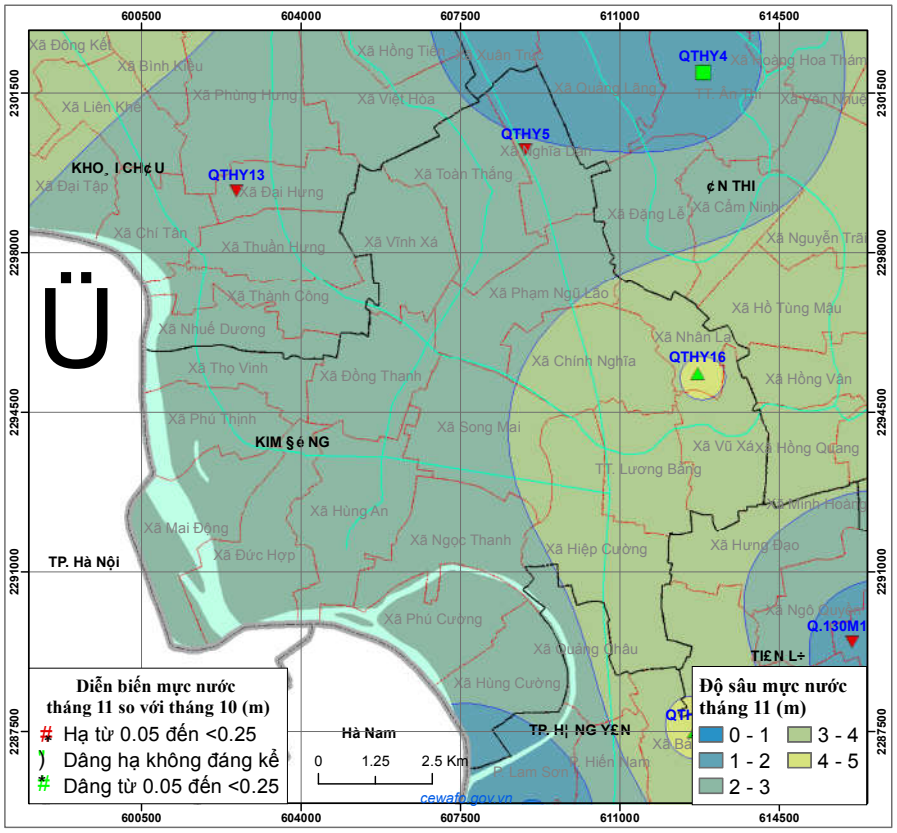
Ngày	UBND xã An Vĩ (QTHY12A)			UBND xã Đại Hưng (QTHY13A)			Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	5,42	5,08	5,28	4,85	4,62	4,87	6,38	6,41	6,54
12	5,31	5,14	5,25	4,66	4,65	4,86	6,44	6,45	6,59
18	5,18	5,10	5,18	4,74	4,73	4,76	6,38	6,40	6,56
24	5,05	5,14	5,24	4,71	4,74	4,78	6,45	6,46	6,53
30	5,04	5,23	5,23	4,64	4,83	4,75	6,44	6,49	6,53
TB	5,20	5,14	5,23	4,72	4,71	4,80	6,42	6,44	6,55

II.8. Huyện Kim Động

II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

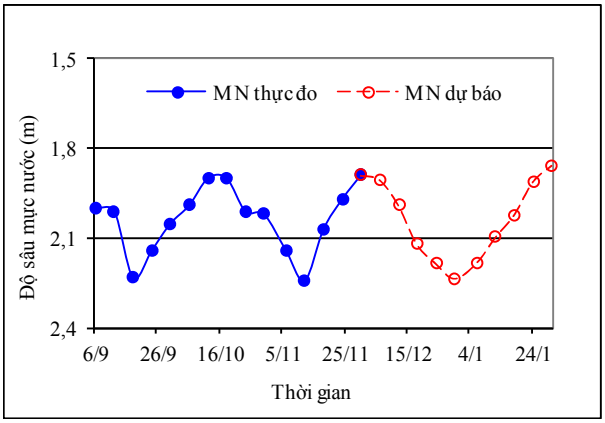
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 không có xu thế rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,07m tại xã Nhân La (QTHY16). Giá trị hạ thấp nhất là 0,10 tại xã Nghĩa Dân (QTHY5).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,06m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,60m tại xã Nhân La (QTHY16).

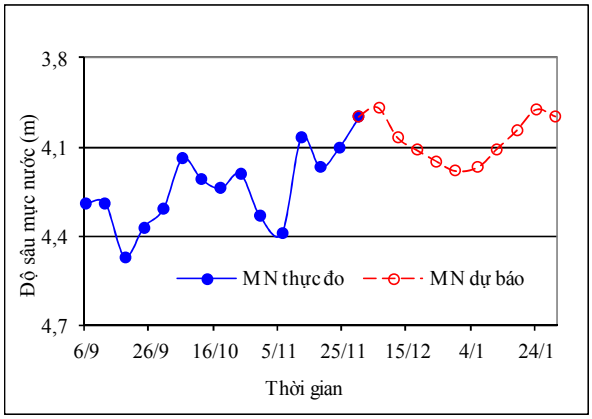


Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh

Dự báo: Trong tháng 12/2020 mực nước có xu thế hạ và đến tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 34 và bảng 15).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5)



b. Xã Nhân La (QTHY16)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

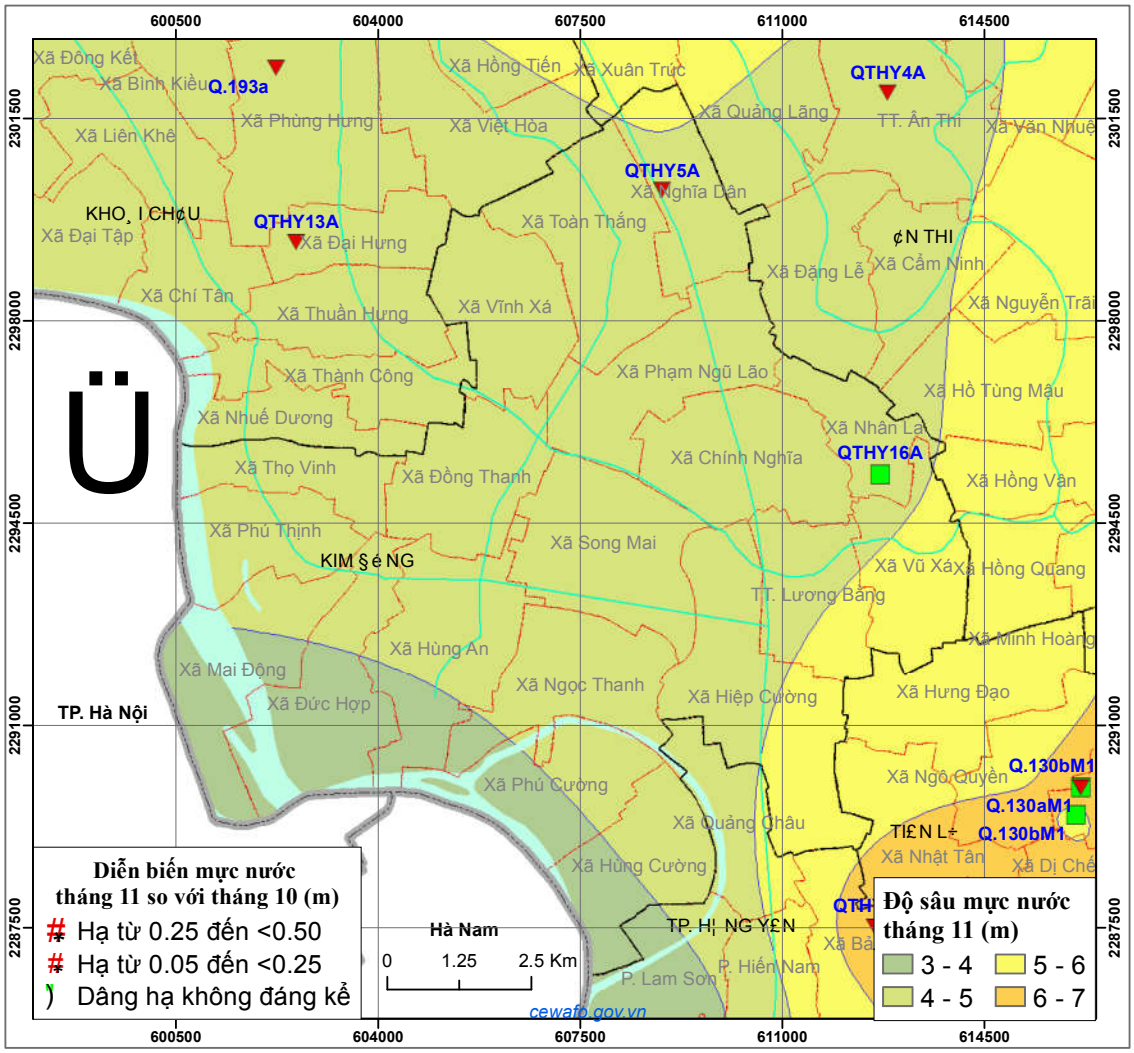
Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	Xã Nghĩa Dân (QTHY5)			UBND xã Nhân La (QTHY16)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	2,14	1,90	2,18	4,39	3,97	4,17
12	2,24	1,99	2,10	4,07	4,07	4,11
18	2,07	2,12	2,02	4,17	4,11	4,05
24	1,97	2,18	1,91	4,10	4,15	3,98
30	1,89	2,23	1,86	4,00	4,18	4,00
TB	2,06	2,09	2,01	4,15	4,10	4,06

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

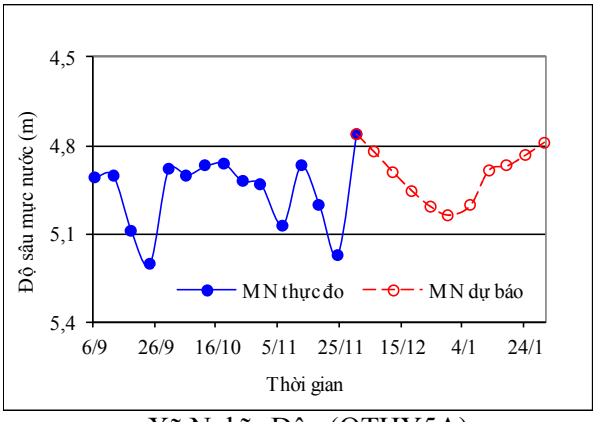
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp là 0,08m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,79m tại xã Nhân La (QTHY16A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,97m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).

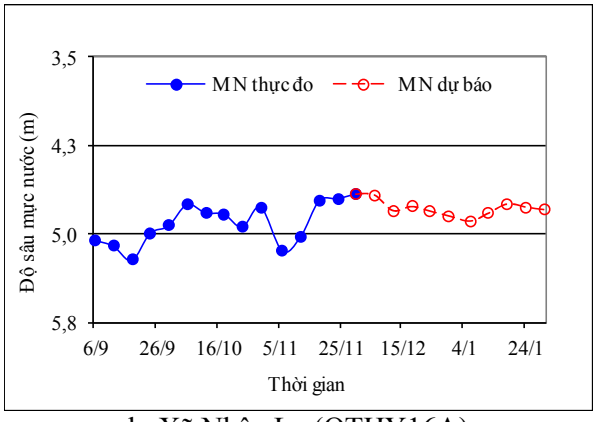


Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp

Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 36 và bảng 16).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)



b. Xã Nhân La (QTHY16A)

Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)			UBND xã Nhân La (QTHY16A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	5,07	4,82	5,00	5,14	4,67	4,89
12	4,87	4,89	4,88	5,02	4,80	4,82
18	5,00	4,95	4,87	4,72	4,77	4,75
24	5,17	5,01	4,83	4,70	4,81	4,77
30	4,76	5,04	4,79	4,66	4,85	4,80
TB	4,97	4,94	4,87	4,85	4,78	4,81

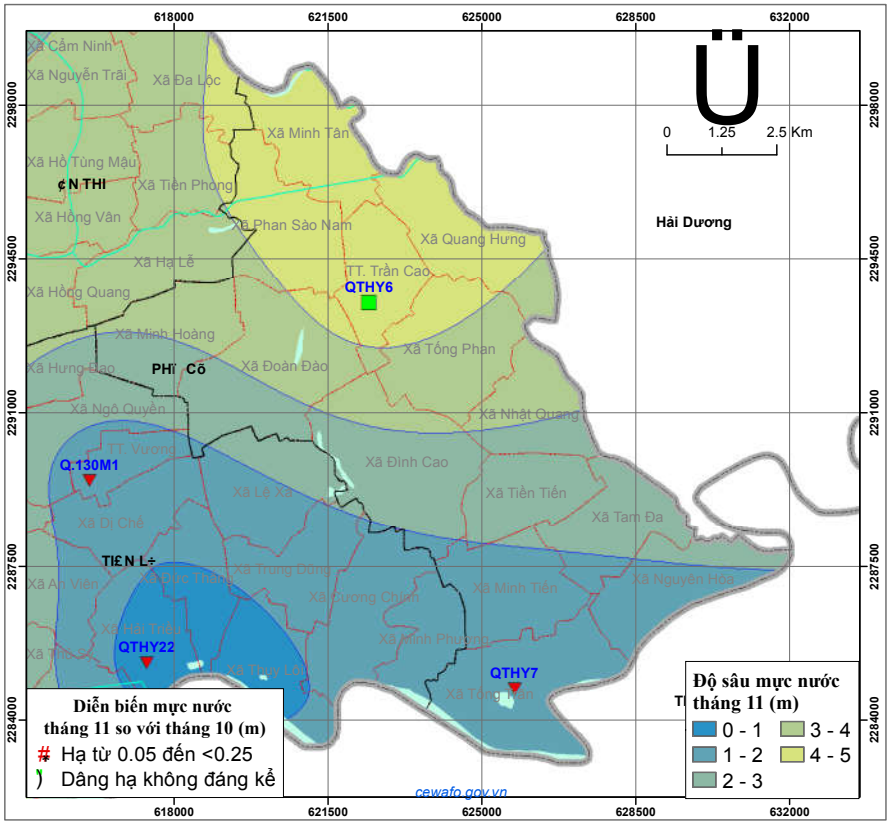
II.9. Huyện Phù Cừ

II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

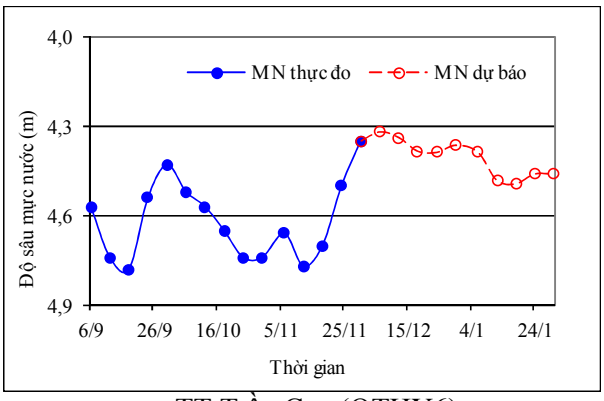
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp là 0,09m tại xã Tống Trân (QTHY7).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,09m tại xã Tống Trân (QTHY7), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,60m tại TT Trần Cao (QTHY6).

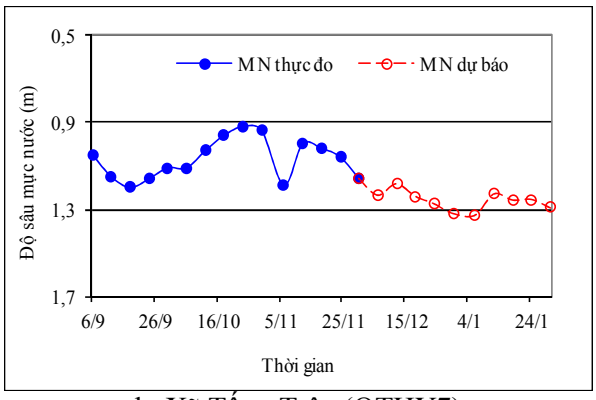
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 38 và bảng 17).



Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. TT Trần Cao (QTHY6)



b. Xã Tống Trân (QTHY7)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

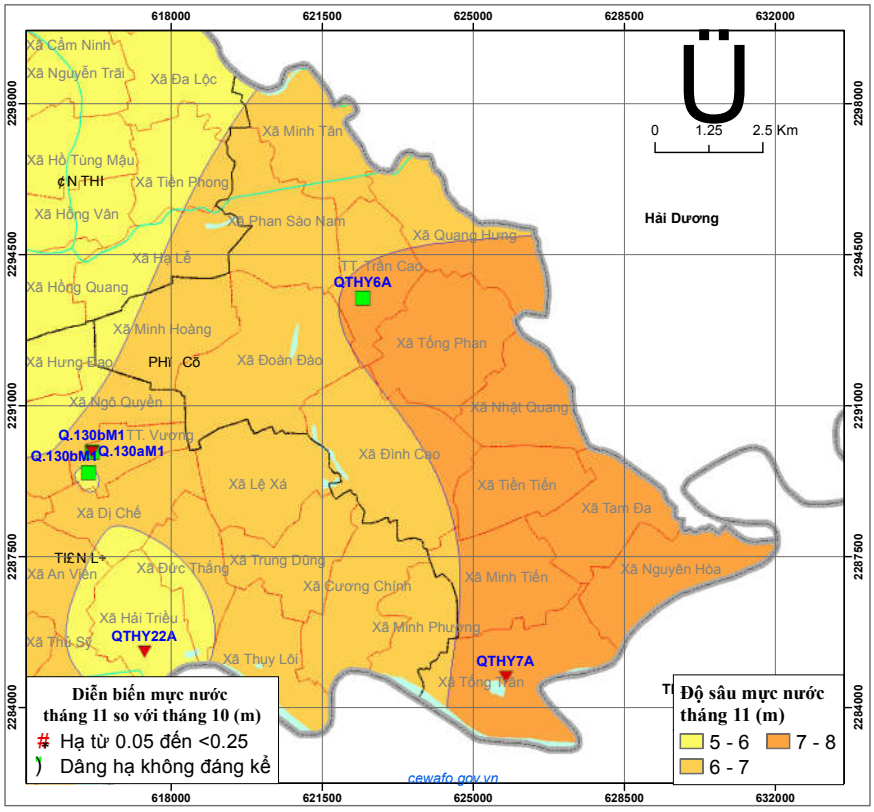
Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6)			UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	4,66	4,32	4,39	1,19	1,23	1,32
12	4,77	4,34	4,48	1,00	1,18	1,23
18	4,70	4,38	4,49	1,02	1,24	1,26
24	4,50	4,39	4,46	1,06	1,27	1,25
30	4,35	4,36	4,46	1,16	1,32	1,29
TB	4,60	4,36	4,46	1,09	1,25	1,27

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

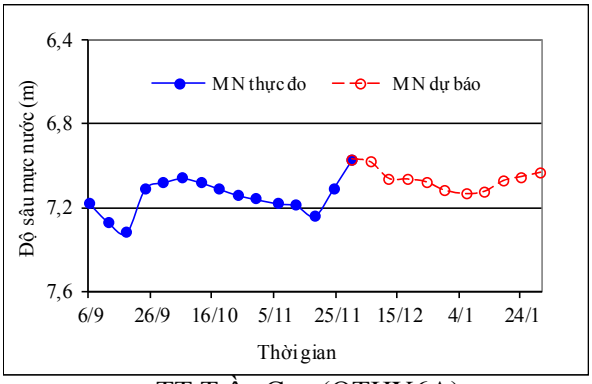
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp là 0,10m tại xã Tống Trân (QTHY7A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 7,14m tại TT Trần Cao (QTHY6A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,15m tại xã Tống Trân (QTHY7A).

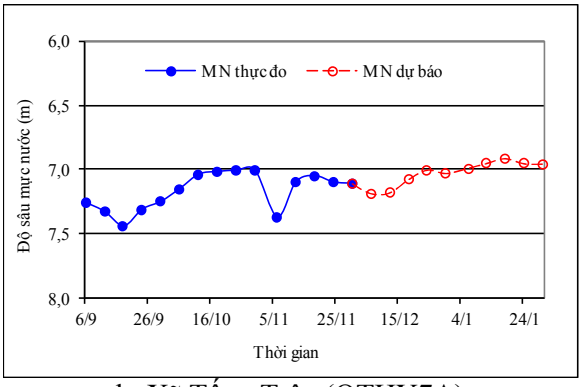
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế dâng hạ không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 40 và bảng 18).



Hình 39. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. TT Trần Cao (QTHY6A)



b. Xã Tống Trân (QTHY7A)

Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6A)			UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	7,18	6,98	7,14	7,37	7,19	6,99
12	7,19	7,06	7,12	7,10	7,18	6,95
18	7,24	7,07	7,07	7,05	7,08	6,92
24	7,11	7,08	7,05	7,10	7,00	6,96
30	6,97	7,12	7,03	7,11	7,03	6,96
TB	7,14	7,06	7,08	7,15	7,10	6,95

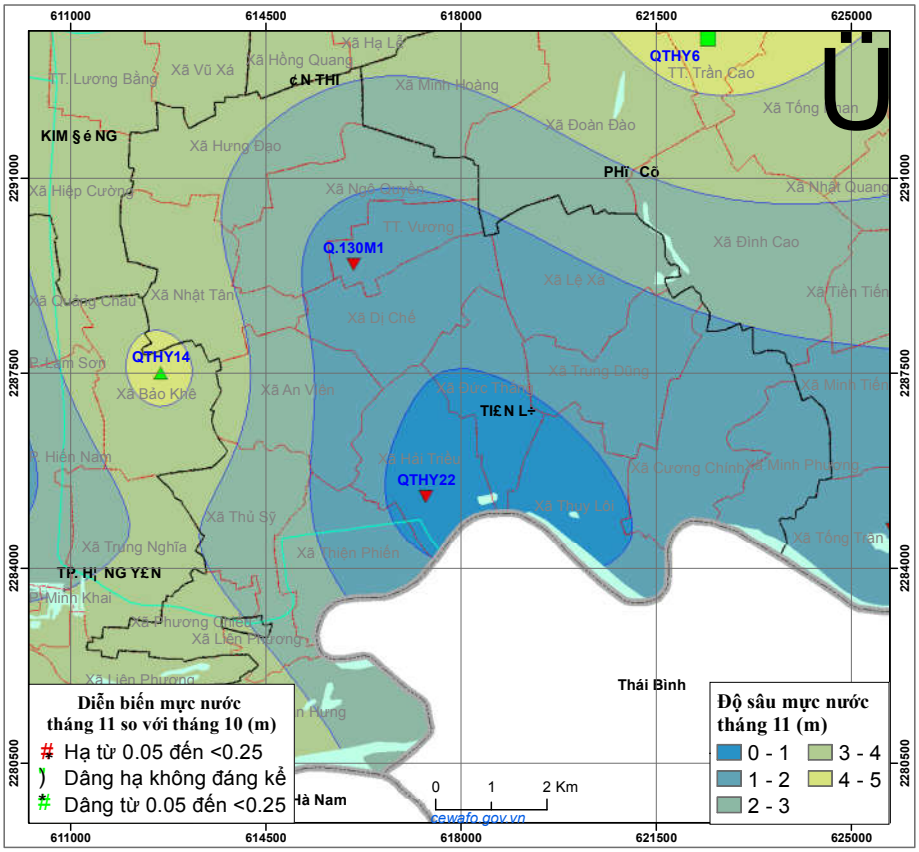
II.10. Huyện Tiên Lữ

II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

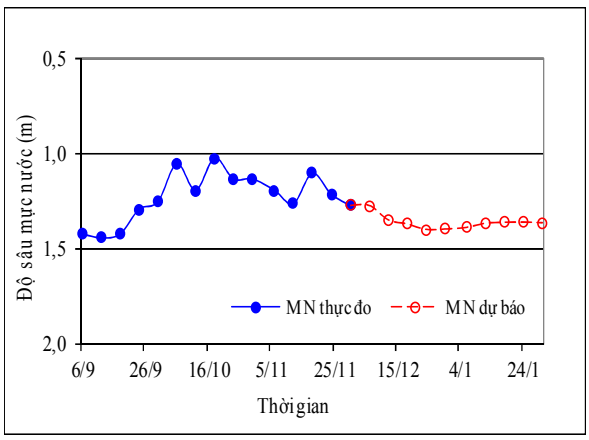
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,15m tại xã Hải Triều (QTHY22)

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,45m tại xã Hải Triều (QTHY22), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 1,20m tại TT Vương (Q.130M1).

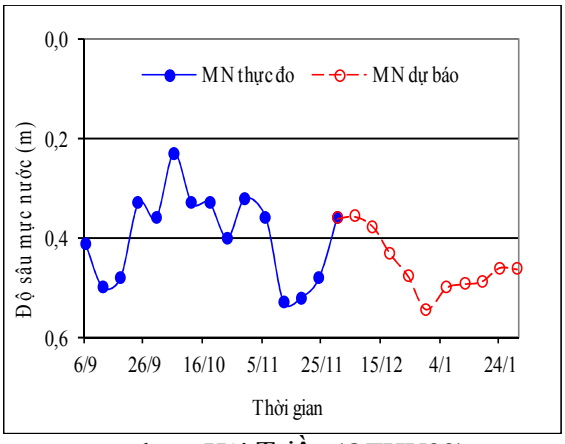
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 42 và bảng 19).



Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qh



a. TT Vương (Q.130M1)



b. xã Hải Triều (QTHY22)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

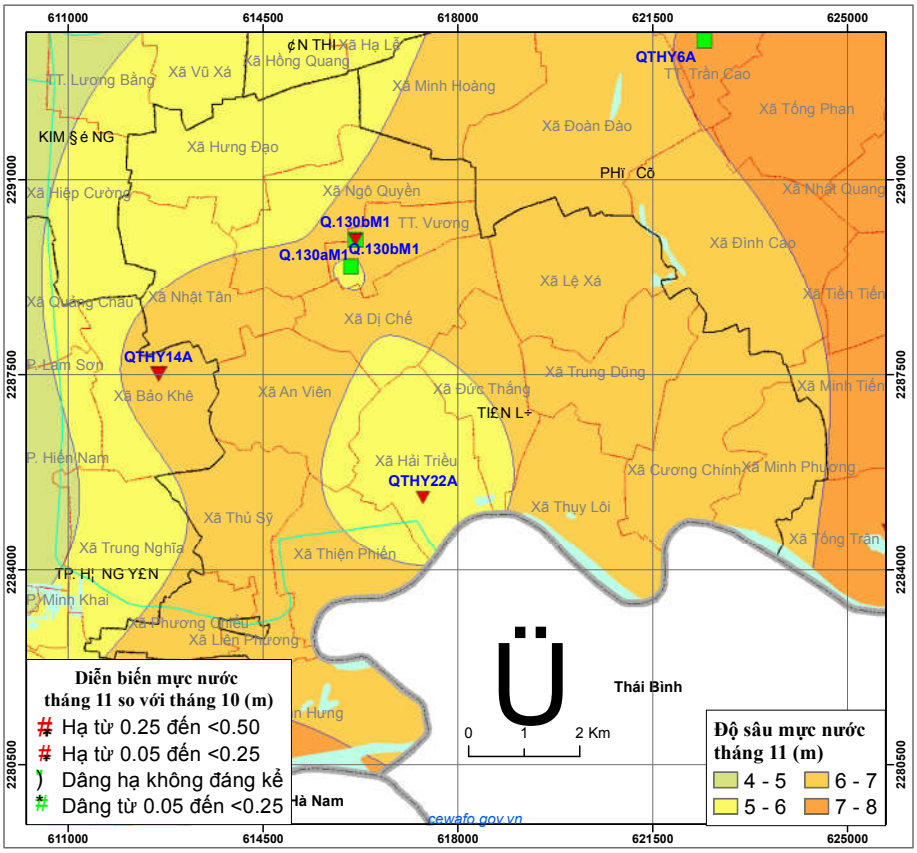
Ngày	TT Vương (Q.130M1)			xã Hải Triều (QTHY22)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	1,19	1,27	1,38	0,36	0,36	0,50
12	1,26	1,35	1,36	0,53	0,38	0,49
18	1,10	1,37	1,36	0,52	0,43	0,49
24	1,21	1,40	1,36	0,48	0,48	0,46
30	1,27	1,39	1,36	0,36	0,54	0,46
TB	1,21	1,35	1,36	0,45	0,44	0,48

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

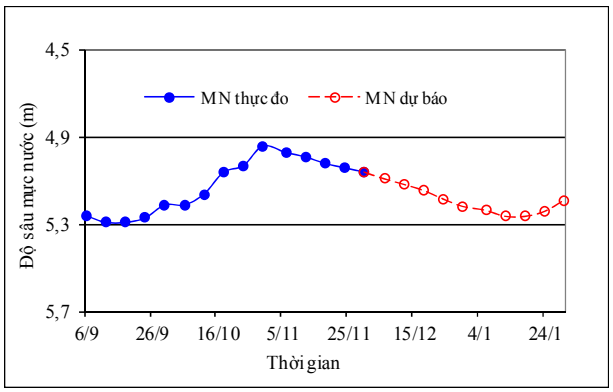
Trong phạm vi huyện, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại xã Hải Triều (QTHY22A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,57m tại xã Hải Triều (QTHY22A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,97m tại TT Vương (Q.130bM1).

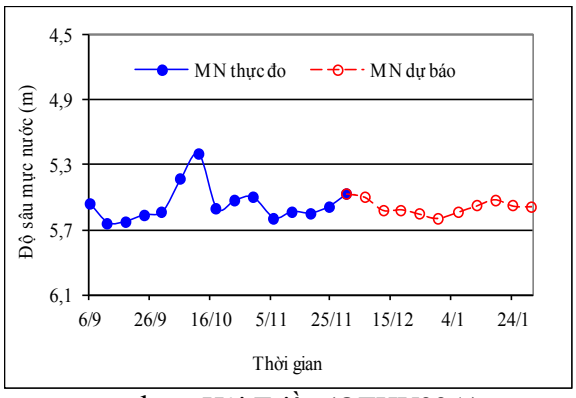
Dự báo: Trong tháng 12/2020 và tháng 1/2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 44 và bảng 20).



Hình 43. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp



a. TT Vương (Q.130bM1)



b.xã Hải Triều (QTHY22A)

Hình 44. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	TT Vương (Q.130bM1)			xã Hải Triều (QTHY22A)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		tháng 12	tháng 1/2021		tháng 12	tháng 1/2021
6	5,87	6,11	6,24	5,63	5,50	5,59
12	6,02	6,10	6,24	5,59	5,58	5,55
18	5,96	6,14	6,23	5,60	5,58	5,52
24	6,01	6,17	6,21	5,56	5,60	5,56
30	6,10	6,17	6,19	5,48	5,63	5,56
TB	5,99	6,14	6,22	5,57	5,58	5,55